

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **385**/BC-UBND

Điện Biên, ngày **03** tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên

PHẦN I:

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

I. Bối cảnh thực hiện

Thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020 và mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, trong bối cảnh nền kinh tế thế giới, khu vực đang dần phục hồi sau những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế. Tuy nhiên, đây là thời kỳ mà bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước đang có những diễn biến phức tạp, khó lường, có cả những thời cơ, thuận lợi, khó khăn, thách thức đan xen; đặc biệt năm 2020, đại dịch Covid-19 xảy ra trên phạm vi toàn cầu đã gây tác động ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế; kinh tế thế giới, khu vực rơi vào trạng thái suy thoái, kinh tế trong nước chững lại.

Trên địa bàn tỉnh, bên cạnh những thuận lợi là Đảng, Nhà nước ban hành nhiều chủ trương, chính sách thiết thực, hiệu quả và đồng bộ; Tỉnh tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từ Trung ương; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định; Những thành tựu từ quá trình 35 năm đổi mới của đất nước và của tỉnh trong các giai đoạn trước là nền tảng quan trọng, động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức như: nguồn lực đầu tư từ NSNN chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển; thời tiết, khí hậu, thiên tai, dịch bệnh,... diễn biến bất thường; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, thiếu đồng bộ; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, tình trạng di cư tự do, xuất nhập cảnh trái phép, tội phạm ma túy qua biên giới diễn biến phức tạp; tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng cao, biên giới còn cao; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp so với yêu cầu; đặc biệt, từ đầu năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đã đạt được kết quả khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

II. Kết quả thực hiện giai đoạn 2016-2020

1. Về kinh tế

Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển; tốc độ tăng trưởng GRDP bình

quân giai đoạn 2016-2020 ước đạt 6,00%/năm¹, giảm 0,1 điểm % so với giai đoạn 2011-2015 (chưa đạt mục tiêu NQ đề ra 6,80%/năm²). Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP theo giá hiện hành) năm 2020 ước đạt 20.532 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 33,47 triệu đồng/người/năm.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 22,90% (năm 2015) xuống 18,76% (năm 2020), công nghiệp - xây dựng giảm từ 19,33% (năm 2015) xuống 19,10% (năm 2020), dịch vụ tăng từ 52,91% (năm 2015) lên 57,64% (năm 2020).

1.1. Sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản

Tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp thủy sản giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1,69% (theo giá so sánh); Cơ cấu sản xuất nông, lâm, thủy sản chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả gắn với nhu cầu thị trường. Tỷ trọng của ngành trong GRDP toàn tỉnh chuyển dịch theo hướng tích cực, từ 22,90% năm 2015 giảm xuống còn 18,76% năm 2020.

Tổng sản lượng lương thực giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1.309.087 tấn, đạt 102,59% kế hoạch, trong đó sản lượng thóc đạt 915.062 tấn, đạt 102,86% kế hoạch; ngô đạt 394.025 tấn, đạt 101,88% kế hoạch. Giai đoạn 2016-2020, sản lượng cà phê nhân ước đạt 22.345 tấn, đạt 46,74% kế hoạch, sản lượng mùn cao su ước đạt 6.775 tấn, đạt 66,66% kế hoạch, sản lượng chè búp ước đạt 373 tấn; diện tích trồng mắc ca toàn tỉnh ước đạt 3.229 ha, đạt 311,39% kế hoạch.

Nuôi trồng và khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh được duy trì, phát triển tốt; diện tích nuôi trồng thủy sản tăng nhanh từ 2.072 ha năm 2015 lên đến 2.630 ha vào năm 2020, đạt 126,74% kế hoạch. Tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2016-2020 ước đạt 15.729 tấn, đạt 120,6% kế hoạch.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Diện tích rừng toàn tỉnh đến năm 2020 ước đạt 406.170 ha, tăng 10,6% so với năm 2015; giai đoạn 2016-2020 các địa phương trong tỉnh đã tổ chức trồng rừng tập trung được 4.471 ha, đạt 30,09% kế hoạch. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 ước đạt 42,57%, tăng 1,65 điểm % so với kế hoạch³.

1.2. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) giai đoạn 2016-2020 ước đạt 12.848,5 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân đạt 5,7%/năm. Trong đó, năm 2020 ước đạt 2.818,28 tỷ đồng, tăng 1,32 lần so với năm 2015; tập trung chủ yếu vào các ngành có tiềm năng, lợi thế như: thủy điện, khai thác khoáng sản, sản

¹ Đánh giá, tổng hợp theo Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ; tốc độ tăng trưởng GRDP giai đoạn 2016-2020 theo kết quả công bố hàng năm của Cục Thống kê Điện Biên: Năm 2016: 6,28%; năm 2017: 9,71%; năm 2018: 6,24%; năm 2019: 6,08%; năm 2020 ước đạt: 1,82%.

² Chỉ tiêu GRDP không đạt so với Nghị quyết, là do chịu tác động của dịch Covid-19 nên tốc độ tăng trưởng năm 2020 chỉ đạt 1,82%, thời điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết dự ước tốc độ tăng trưởng của năm 2020 là 6,02% và cả giai đoạn 2016 - 2020 đạt 6,83%.

³ Tuy nhiên, còn thấp hơn so với bình quân chung vùng Tây Bắc (47,09% năm 2019); nhưng cao hơn bình quân cả nước (41,89% năm).

xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến nông lâm sản⁴.

Tiếp tục duy trì, khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống (dệt, may trang phục thổ cẩm, mây tre đan, đồ gỗ mỹ nghệ...); đến nay, trên địa bàn tỉnh có 07 làng nghề, trên 2.600 cơ sở kinh tế cá thể và hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp.

1.3. Thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu

Thương mại phát triển khá, thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, đầu tư hạ tầng thương mại ... đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Thực hiện tốt công tác bình ổn giá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ giai đoạn 2016-2020 ước đạt 52.644,5 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,5%/năm. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 03/NQ/TU ngày 25/6/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển du lịch tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; hoạt động du lịch phát triển nhanh, đã hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, đa dạng, phong phú có chất lượng, giai đoạn 2016-2020 đón trên 3 triệu lượt khách, tăng gấp 1,5 lần so với giai đoạn 2011-2015, tăng trưởng trung bình 12%/năm; tổng thu từ du lịch ước đạt 4.768 tỷ đồng, tăng gấp 2,34 lần giai đoạn 2011-2015.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển khá, chất lượng dịch vụ có nhiều đổi mới, đa dạng, đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 19%/năm. Hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,5%/năm. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 ước đạt 341,12 triệu USD, tăng gấp 2,3 lần giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,4%/năm⁵; trong đó tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2020 là 70,16 triệu USD.

1.4. Hoạt động tài chính - ngân hàng

- Về thu chi ngân sách nhà nước: Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 ước đạt 56.462,97 tỷ đồng; trong đó, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.952,56 tỷ đồng. Năm 2020 ước đạt 1.240,6 tỷ đồng, tăng gấp 1,52 lần so với năm 2015. Tổng chi ngân sách nhà nước 05 năm ước đạt 56.066,90 tỷ đồng; tốc độ tăng chi bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 7,5%/năm; cơ cấu chi thay đổi tích cực⁶.

- Về giá cả, kiểm soát lạm phát: Đã cụ thể hóa và triển khai thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách tài khóa của Chính phủ tại địa phương, góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện tốt và đảm bảo các chính sách an sinh xã hội. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm qua các năm được khống chế

⁴ Giai đoạn 2016-2020, đưa vào vận hành khai thác 7 dự án thủy điện, tổng công suất lắp máy 108,7MW. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 11 nhà máy thủy điện đang vận hành khai thác, tổng công suất lắp máy 137,3MW. Hiện có 29 điểm mỏ khai thác khoáng sản.

⁵ Hoạt động thương mại biên mậu đạt được nhiều kết quả tích cực, song do các cửa khẩu nằm xa trung tâm KT-XH, cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ, mật độ dân cư thấp; điều kiện kinh tế của các địa phương giáp biên với tỉnh Điện Biên còn khó khăn; những khác biệt về chính sách... đã hạn chế sự phát triển.

⁶ Cơ cấu chi: Chi đầu tư trong cân đối năm 2020 tăng 6% so với năm 2015; chi thường xuyên trong cân đối giảm 4,3% so với năm 2015

ở mức dưới 3,8%⁷ góp phần ổn định thị trường và kinh tế vĩ mô theo chỉ đạo của Chính phủ.

- Về tiền tệ, tín dụng: Thực hiện hiệu quả, nghiêm túc Luật các tổ chức tín dụng cũng như các chính sách bảo đảm hoạt động an toàn của hệ thống tổ chức tín dụng; tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước; trong giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn huy động và dư nợ tín dụng trên địa bàn liên tục tăng với mức cao và nhịp độ tăng ổn định đi đôi với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng tín dụng. Đến hết năm 2020, huy động vốn trên địa bàn ước đạt 11.870 tỷ đồng, tăng 1,72 lần so với năm 2015; tổng dư nợ tín dụng ước đạt 19.012 tỷ đồng, tăng gần 1,71 lần so với năm 2015. Hoạt động tín dụng, ngân hàng ưu tiên tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

1.5. Huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt 50.276,9 tỷ đồng, tăng gấp 1,49 lần so với giai đoạn 2011-2015, nhịp độ tăng 13,1%/năm; Tỷ lệ vốn đầu tư so với GRDP đạt 56,3%. Trong đó: Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước là 21.541 tỷ đồng (chiếm 42,84%); vốn khu vực dân cư và doanh nghiệp tư nhân là 23.677 tỷ đồng (chiếm 47,1%); Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 70,28 tỷ đồng (chiếm 0,32%); vốn đầu tư từ doanh nghiệp nhà nước là 370 tỷ đồng (chiếm 1,72%); huy động khác đạt 4.616,5 tỷ đồng (chiếm 9,18%); việc huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đạt khá, tuy nhiên tỷ trọng vốn ngân sách nhà nước vẫn còn cao.

2. Tình hình thực hiện cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực

2.1. Về thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với nông thôn mới:

Tập trung cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, trong đó trọng tâm là tổ chức lại sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, thực hiện chủ trương chuyển đổi diện tích cây lương thực kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả trên đất dốc, xây dựng một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; Đã hình thành và cấp xác nhận được 19 chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; thu hút 23 doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp với tổng số vốn là 6.598 tỷ đồng, trong đó có một số dự án lớn⁸; tiếp tục duy trì, khai thác vùng có lợi thế trồng cây công nghiệp dài ngày với diện tích

⁷ Năm 2016 là 3,88%; 2017 là 2,90%; năm 2018 là 2,82%; năm 2019 là 2,9%; ước năm 2020 là 3%.

⁸ Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại huyện Mường Nhé, tổng vốn đầu tư 2.242 tỷ đồng; Dự án trồng Mắc ca kết hợp với trồng rừng, dược liệu và xây dựng khu chế biến sản phẩm tại xã Phú Lương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, tổng vốn đầu tư 1.465 tỷ đồng; Dự án trồng cây Mắc ca tại xã Thanh An, Thanh Xương, huyện Điện Biên, tổng vốn đầu tư 127 tỷ đồng; Dự án trồng rừng sản xuất và xây dựng hồ chứa nước tại xã Si Pa Phìn và xã Phìn Hồ, huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên, tổng vốn đầu tư 552 tỷ đồng; Dự án khu chế biến nông sản và trại chăn nuôi lợn siêu nạc tại xã Thanh Yên, huyện Điện Biên tổng vốn đầu tư 22,38 tỷ đồng; Dự án Nhà máy chế biến tinh bột sắn tại xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tổng vốn đầu tư 70 tỷ đồng; Dự án trồng cây ăn quả bằng công nghệ cao kết hợp trồng rừng sản xuất tại huyện Mường Ảng, tổng vốn đầu tư 80 tỷ đồng; Dự án sản xuất Lúa gạo Điện Biên theo chuỗi giá trị gia tăng của Công ty Trường Hương, tổng vốn đầu tư 15 tỷ đồng; Dự án trại chăn nuôi lợn chất lượng cao Quang Lành huyện Điện Biên, tổng mức đầu tư 20,45 tỷ đồng,...

5.131ha cây cao su, 3.331 ha cây cà phê và 597 ha cây chè⁹, qua đó đã giải quyết được nhiều việc làm cho lao động nông thôn, tăng thu nhập, cải thiện và nâng cao đời sống, vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần giảm nghèo bền vững. Chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đã có những bước chuyển biến tích cực, từng bước chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển theo hình thức chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa, tốc độ tăng đàn gia súc bình quân 1,05%; nuôi trồng thủy sản tăng cả về diện tích và sản lượng.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện khá toàn diện, đi vào thực chất và chiều sâu, đạt nhiều kết quả. Từ năm 2016 đến năm 2020 đã huy động, bố trí lồng ghép các nguồn vốn được 9.310 tỷ đồng để thực hiện¹⁰; trong phong trào triển khai thực hiện đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến, cách làm hay; dự ước đến hết năm 2020 toàn tỉnh có 21 xã đạt chuẩn và 17 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới từ 15-18 tiêu chí, trong đó có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, một đơn vị cấp huyện (thị xã Mường Lay) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; số tiêu chí bình quân đạt 11,2 tiêu chí/xã¹¹, không còn xã dưới 05 tiêu chí; có 36 sản phẩm OCOP được công nhận¹²; phong trào xây dựng nông thôn mới đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức của người dân nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện; bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc.

2.2. Đầu tư công

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tập trung phân bổ nguồn lực đầu tư cho các công trình trọng điểm, có hiệu quả như phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, cấp nước sạch; quan tâm đầu tư cho các công trình an sinh xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh; dần khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản. Giải ngân vốn đầu tư công được chỉ đạo quyết liệt; đặc biệt vốn đầu tư từ NSNN thực hiện giải ngân 10 tháng năm 2020 đạt gần 60%, cao nhất trong nhiều năm gần đây. Từng bước giảm dần tỷ trọng đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nâng cao sức đóng góp của các thành phần kinh tế.

2.3. Doanh nghiệp nhà nước: Tiến hành cơ cấu lại và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước theo tiến độ, kế hoạch được phê duyệt¹³. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đa số doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh có sự phát triển, các doanh nghiệp đã bảo toàn được nguồn vốn và tài sản nhà nước tại

⁹ Diện tích đã khai thác các năm từ 2017-2019 lần lượt là 631ha, 1.424 ha, 2.071 ha; tổng sản lượng 3.755 tấn mù quy khô; qua đó, tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho trên 850 lao động thường xuyên và thời vụ. Cây cà phê được xác định là một trong những cây trồng chủ lực của tỉnh trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp; năm 2020, sản lượng cà phê nhân ước đạt 5.890,8 tấn. Cây chè được xác định là cây thế mạnh, lợi thế của huyện Tủa Chùa, dự ước năm 2020 sản lượng búp tươi 72,9 tấn, góp phần xóa đói, giảm nghèo nâng cao đời sống cho 3.381 hộ dân đang quản lý, chăm sóc và khai thác cây chè.

¹⁰ Trong đó vốn hỗ trợ trực tiếp từ Trung ương cho Chương trình là 1.147,8 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương là 41,8 tỷ đồng, vốn đầu tư từ doanh nghiệp là 1,89 tỷ đồng, vốn đóng góp của cộng đồng dân cư là 134,5 tỷ đồng, vốn tín dụng là 148 tỷ đồng, còn lại và vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác.

¹¹ Năm 2019, toàn tỉnh ước có 33/116 xã được công nhận đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới.

¹² Năm 2019 đã công nhận 26 sản phẩm OCOP.

¹³ Thực hiện thoái vốn tại 08 doanh nghiệp.

doanh nghiệp, việc thực hiện nghĩa vụ với nhà nước đã được các doanh nghiệp quan tâm, các doanh nghiệp đã thực hiện nghiêm túc chế độ, chính sách đối với người lao động và hoàn thành tốt nhiệm vụ công ích được giao, tình hình tài chính lành mạnh hơn.

3. Nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã

- Triển khai các đề án, kế hoạch, chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hỗ trợ doanh nghiệp; tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019 xếp 47/63, tăng 16 bậc so với năm 2015. Giai đoạn 2016-2020, đã phê duyệt chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 95 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 14.166 tỷ đồng, tăng 53 dự án và hơn 6.278 tỷ đồng so với giai đoạn 2011-2015¹⁴.

- Dự ước đến hết năm 2020, tỉnh có 1.400 doanh nghiệp đăng ký hoạt động (trong đó số doanh nghiệp đăng ký mới giai đoạn 2016-2020 là 564 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký mới là 5.885 tỷ đồng); có 234 hợp tác xã hoạt động với 11.340 thành viên; có trên 20.000 hộ kinh doanh, tổng số vốn đăng ký 6.950 tỷ đồng.

4. Tình hình thực hiện các đột phá chiến lược

4.1. Về xây dựng, ban hành hệ thống các cơ chế, chính sách đồng bộ, kịp thời để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững

Việc thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách và cụ thể hóa, ban hành cơ chế chính sách của địa phương được các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả, tập trung vào cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thu hút và khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, du lịch, giải quyết việc làm, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã. Môi trường đầu tư - kinh doanh thông thoáng, có sức hút đầu tư tốt hơn; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh được cải thiện, nhiều chương trình, dự án, chính sách đã đi vào cuộc sống, nhất là trong phát triển nông, lâm nghiệp, nông thôn. Các nguồn vốn đầu tư phát triển ngoài nhà nước huy động cao hơn hẳn giai đoạn trước. Việc huy động các nguồn lực để khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh có chuyển biến tiến bộ, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và tái cơ cấu kinh tế, góp phần giảm nghèo bền vững, cải thiện đời sống nhân dân.

4.2. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ

Các nguồn lực đầu tư công được tập trung để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và một số dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; nhiều công trình, dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đã phát huy hiệu quả. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được đầu tư, nhất là giao thông có nhiều cải thiện theo hướng kết nối đồng bộ, diện mạo đô thị và nhiều vùng dân cư nông thôn có những thay đổi tiến bộ.

Nhiều tuyến đường giao thông tỉnh lộ được Trung ương nâng cấp thành quốc lộ với tổng mức đầu tư hàng ngàn tỷ đồng và đang từng bước được đầu tư

¹⁴ Đã có 42 dự án hoàn thành đi vào hoạt động; thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư 20 dự án; thu hồi, chấm dứt hoạt động 04 dự án.

đồng bộ như: Tuyến Quốc lộ 12 kéo dài đoạn từ Pom Lót - Mường Luân - Chiềng Sơ; Quốc lộ 279B Nà Tấu đi Mường Phăng; Quốc lộ 279C (Núa Ngam - Huổi Puộc); tuyến đường 4H đi Mường Nhé - A Pa Chải....; nhiều tuyến đường tỉnh lộ được đưa vào sử dụng, như: Km 45 - Nà Hỳ; Tòa Chùa - Nậm Múc - Huổi Mí.... Hạ tầng giao thông nông thôn tiếp tục được đầu tư, mở rộng; đến hết năm 2020 có 100% xã có đường ô tô đến được trung tâm xã, trong đó 93,8% số xã đi lại được quanh năm, tăng 4,6% so với năm 2015.

Đặc biệt, Dự án nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không Điện Biên và Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030 đã được Ban Bí thư cho chủ trương, Thủ tướng Chính phủ có kết luận cho chủ trương đầu tư, là những động lực tích cực để tỉnh phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo.

Hạ tầng các đô thị trung tâm, đô thị ở các thị trấn, thị tứ phát triển theo hướng hiện đại; tập trung đầu tư các dự án hạ tầng đô thị, trọng tâm là Thành phố Điện Biên Phủ và khu vực lân cận để thu hút đầu tư, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội¹⁵; tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 ước đạt 25,8%, tăng 5,45% so với năm 2015 (20,35%). Tỷ lệ dân số khu vực đô thị được sử dụng nước sạch đạt 99,6%, tăng 2,1% so với năm 2015, tỷ lệ dân số khu vực nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 83,13%, tăng 13,5% so với năm 2015.

Hệ thống thủy lợi tiếp tục được đầu tư, xây dựng, nâng cấp theo hướng đa mục tiêu, góp phần tưới tiêu cho 29.190 ha đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, rau màu¹⁶. Hạ tầng năng lượng điện được quan tâm đầu tư, 100% xã phường, thị trấn có điện lưới quốc gia đến trung tâm, tỷ lệ hộ được sử dụng điện từ lưới điện quốc gia tăng từ 83,4% năm 2015 lên 92% năm 2020. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh - truyền hình phát triển nhanh, đa dạng, số hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu của cơ quan, doanh nghiệp và nhân dân.

Hạ tầng thông tin và truyền thông phát triển nhanh, đa dạng, số hóa. Toàn tỉnh có 100/115 xã có điểm bưu điện văn hóa xã (đạt 86,9%); phát triển hạ tầng cung cấp dịch vụ viễn thông 4G, tiến tới 5G, 129/129 xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động 3G và 4G. Hạ tầng công nghệ thông tin được quan tâm, đầu tư¹⁷. Số hóa truyền hình được thực hiện theo đúng lộ trình; toàn tỉnh có 94/129 xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh xã (72,9%).

Hạ tầng y tế được tăng cường đầu tư, hệ thống bệnh viện tuyến tỉnh, huyện cơ bản được xây dựng hoàn thiện, số giường bệnh quốc lập trên 1 vạn dân đạt 31,5 giường, cao hơn số bình quân chung cả nước, 78,3% trạm y tế có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, tăng 27,5% so với năm 2015. Hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học được đầu tư, nâng cấp; toàn tỉnh hiện có 8.619 phòng

¹⁵ Thực hiện dự án thuộc Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - TP Điện Biên Phủ; các dự án thực hiện theo hình thức PPP (4 dự án); các dự án hạ tầng; khu trung tâm hành chính mới của tỉnh...

¹⁶ Trong giai đoạn 2015-2020, đã thực hiện đầu tư 164 công trình thủy lợi, trong đó 55 công trình xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa 109 công trình.

¹⁷ Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt trên 90%; 100% cơ quan Nhà nước từ cấp huyện trở lên được kết nối mạng nội bộ (LAN) và mạng Internet tốc độ cao, 100% xã được kết nối Internet; Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh hiện đang được đầu tư, nâng cấp để tạo nền tảng hạ tầng quản lý tập trung đảm bảo đồng bộ, thống nhất, an toàn an ninh thông tin.

học, trong đó có 5.958 phòng kiên cố (đạt 69,1%); có 329/472 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 69,7%; có 294/472 trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt 61%¹⁸. Cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao tiếp tục được đầu tư, xây dựng, đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu của người dân; đến hết năm 2020 có 100% huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 68,2% số xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa; 44,1% số thôn, bản, tổ dân phố có nhà sinh hoạt cộng đồng.

Hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại được quan tâm đầu tư xây dựng: Toàn tỉnh hiện có 38 chợ đang hoạt động, 02 trung tâm thương mại, 03 siêu thị và 16 cửa hàng hoạt động theo mô hình siêu thị.

Bước đầu hình thành 03 cụm công nghiệp, trong đó có 01 cụm công nghiệp được thành lập; có một số nhà máy được xây dựng và đi vào hoạt động¹⁹ với tổng số vốn đầu tư vào các cụm công nghiệp khoảng 700 tỷ đồng.

4.3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai các đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực²⁰. Quan tâm, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ; tạo điều kiện để cán bộ, học sinh, sinh viên, nhất là người dân tộc thiểu số có phẩm chất đạo đức và năng lực đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với các chuyên ngành mà tỉnh đang thiếu.

Nguồn nhân lực tăng nhanh về số lượng, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm lao động nông nghiệp, tăng lao động công nghiệp, dịch vụ²¹. Mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp được kiện toàn, chất lượng đào tạo nghề được nâng lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 ước đạt 57%, tăng 13,23 điểm % so với năm 2015. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ chuyên môn và năng lực công tác được tăng cường. Quan tâm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đội ngũ trí thức về công tác tại địa phương; tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên tăng từ 43,8% (năm 2015) lên 60,6% (tính đến ngày 31/12/2019); 95,8% công chức cấp xã đạt trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên.

5. Về lĩnh vực văn hóa, xã hội

5.1. Lao động, việc làm và an sinh xã hội và giảm nghèo

Đã cơ bản làm tốt công tác giáo dục nghề nghiệp gắn với thị trường lao động và giải quyết việc làm; trong giai đoạn 2016-2020 giải quyết việc làm mới

¹⁸ Đến tháng 10/2020 toàn tỉnh có: 482 trường mầm non và phổ thông (trong đó có 01 trường mầm non và 09 trường THCS chưa hoạt động) với 200.639 học sinh, giảm 09 trường, tăng 32.445 học sinh so với năm 2015 (đạt 102% mục tiêu đến năm 2020 là 196.700 học sinh).

¹⁹ Nhà máy xi măng công suất 36 vạn tấn/năm, nhà máy gạch tuynel lò đứng với công suất 23 triệu viên/năm.

²⁰ Kết luận số 02-KL/TU, ngày 20/5/2016 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên đến năm 2020; Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 14/10/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên đến năm 2020; Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 07/11/2016 phê duyệt Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Điện Biên đến năm 2020.

²¹ Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2020 giảm còn 57,8% (giảm 7,02% so với năm 2015); lĩnh vực công nghiệp và xây dựng tăng lên 15,6% (tăng 3,2 % so với năm 2015); thương mại và dịch vụ tăng lên 25,7% (tăng 4% so với năm 2015).

cho 45.161 lao động, bình quân 9.032 lao động/năm²², tăng 5,9% so với năm 2015 (đạt mục tiêu đề ra 8.000-8.500 lao động/năm); đào tạo nghề cho 39.818 lao động, bình quân đạt 7.964 lao động/năm, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo lên 57,05%²³, giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị năm 2020 còn 3,5%.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội (các chính sách hỗ trợ tạo việc làm, bảo hiểm y tế đối với người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, đối tượng hưởng chính sách ưu đãi và đối tượng hưởng trợ giúp xã hội...); giải quyết kịp thời, đầy đủ chế độ cho các đối tượng chính sách, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, cứu trợ; trợ cấp cho các đối tượng yếu thế góp phần ổn định cuộc sống²⁴. Đến cuối năm 2020, hoàn thành hỗ trợ nhà ở cho 2.738 hộ có công với cách mạng, gia đình chính sách, hộ nghèo. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em tiếp tục được quan tâm thực hiện. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm từ 48,14% đầu năm 2016 ước xuống còn 29,93% năm 2020, bình quân hàng năm giảm 3,62 điểm %; riêng các huyện nghèo (huyện 30a) bình quân giảm 4,83 điểm %/năm²⁵. Ước tính trong giai đoạn 2016-2020 tỉnh đã huy động lồng ghép được khoảng 7.500 tỷ đồng cho thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo.

5.2. Y tế, dân số

Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố, hoàn thiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ y tế được nâng lên, nhất là bác sỹ, dược sỹ có trình độ sau đại học. Đến năm 2020, đạt 12,54 bác sỹ/vạn dân (tăng 1,8 bác sỹ/vạn dân so với năm 2015); 97,7% số trạm y tế xã có bác sỹ làm việc (tăng 30 điểm % so với năm 2015); 86% số xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 98,8%. Công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh được tăng cường, không để dịch lớn xảy ra. Thực hiện tốt Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, 95% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm xuống còn 15,9%; triển khai tích cực, hiệu quả công tác phòng, chống HIV/AIDS, khống chế tỷ lệ lây nhiễm HIV còn 0,59%; thực hiện có hiệu quả điều trị thay thế các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone và Buprenorphine. Từng bước thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa y tế, đồng thời đã khuyến khích phát triển các cơ sở hành nghề y tế tư nhân (lũy kế đến hết tháng 9 năm 2020 tổng số có 135 cơ sở, tăng 52 cơ sở so với năm 2015, trong đó có 02 phòng khám tham gia khám bảo hiểm y tế), qua đó góp phần ngày càng thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Công tác Dân số và phát triển thực hiện hiệu quả, chất lượng dân số được nâng lên. Tỷ lệ tăng dân số năm cuối kỳ 1,96%; mức giảm tỷ suất sinh năm cuối

²² Trong đó xuất khẩu lao động 239 người, lao động làm việc tại doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh 4.800 người

²³ Trong đó tổng số lao động được hỗ trợ học nghề ngắn hạn khoảng 25.000 người (có 10.258 người là nữ, chiếm 41,03%). Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân là 16,1%.

²⁴ Đến cuối năm 2019, toàn tỉnh có 15.184 đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng.

²⁵ Tỷ lệ hộ nghèo là người đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 60,80% đầu năm 2016 xuống còn 42,80% năm 2019 và ước giảm xuống còn 38,80 năm 2020, bình quân hàng năm giảm 4,4%/năm.

kỳ 0,5%; tổng tỷ suất sinh 2,7 con. Dân số trung bình năm 2020 ước đạt 61,348 vạn người.

Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Covid-19 và của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh đã cùng với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội tỉnh, triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch, cùng với sự vào cuộc của các cấp chính quyền, các ngành, lực lượng vũ trang, sự hưởng ứng, chấp hành nghiêm túc của người dân và toàn xã hội, cho đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có trường hợp bị mắc bệnh.

5.3. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; chất lượng giáo dục, đào tạo từng bước được nâng lên; hệ thống trường, lớp học phát triển tương đối hoàn chỉnh, tỷ lệ huy động dân số trong độ tuổi đến trường tiếp tục tăng ở các cấp học. Tập trung rà soát, sắp xếp lại các trường, lớp học, nhằm tinh giản đầu mối và biên chế²⁶. Đội ngũ cán bộ, giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển; 100% cán bộ, giáo viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn²⁷. Kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ các mức độ tiếp tục được giữ vững và từng bước nâng cao. Toàn tỉnh có 69,7% số trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia và 61% số trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp tục tăng cường liên kết đào tạo với các trường đại học, học viện; chú trọng đào tạo chính quy, liên thông cao đẳng, đại học, sau đại học. Đào tạo nghề gắn với chuyển đổi cơ cấu ngành nghề và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Tăng cường hợp tác về giáo dục và đào tạo với các tỉnh Bắc Lào và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Các hoạt động xã hội hóa, khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh và đạt kết quả tích cực.

5.4. Hoạt động văn hoá, thể thao

Hàng năm đã tổ chức nhiều sự kiện lớn, nổi bật là lễ hội Hoa Ban, các hoạt động kỷ niệm 110 năm thành lập tỉnh, 70 năm thành lập Đảng bộ tỉnh, 65 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (07/5/2019); các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao khá đa dạng với nhiều hình thức phong phú, bảo đảm kế thừa, phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa của các dân tộc, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và sức sáng tạo của nhân dân. Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, thôn, bản, tổ dân phố và hộ gia đình được công nhận đạt chuẩn văn hóa ngày càng tăng, đến hết năm 2020: có 70% hộ gia đình, 62% thôn, bản, tổ dân phố, 92% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa (tăng 10% về tỷ lệ hộ gia đình, tăng 10% về tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa so với năm 2015).

²⁶ Sáp nhập 07 trung tâm GDTX với trung tâm GDNN để thành lập 07 trung tâm GDNN-GDTX (giảm 07 trung tâm); sáp nhập 93 trường mầm non, tiểu học, THCS (giảm 45 đơn vị); giải thể 01 trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp; tổng cộng cả giai đoạn giảm 53 đơn vị.

²⁷ Theo Luật Giáo dục số 38/2005/QH11.

Tập trung bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, các giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể, nhất là bản sắc văn hoá các dân tộc để phục vụ phát triển du lịch²⁸.

Phong trào thể dục, thể thao quần chúng gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục được nhân dân hưởng ứng mạnh mẽ²⁹. Thể thao thành tích cao đạt kết quả khá, giai đoạn 2016-2020, tỉnh đã đạt trên 263 huy chương các loại trong các cuộc thi khu vực và toàn quốc (đặc biệt có 01 HCV Đông Nam Á môn Kararedo). Công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá, thể thao tiếp tục được đẩy mạnh.

5.5. Hoạt động khoa học - công nghệ

Hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiếp tục có bước chuyển biến tích cực. Các đề tài khoa học được triển khai theo hướng nghiên cứu gắn với ứng dụng, bám sát tiềm năng, thế mạnh của tỉnh và từng bước được áp dụng vào thực tế, nhất là trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và chăn nuôi. Nhiều đề tài, dự án đã phát huy hiệu quả, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi cơ cấu và tăng năng suất chất lượng cây trồng, vật nuôi³⁰, cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn trong việc đưa ra những định hướng lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, khai thác tiềm năng, lợi thế về nông, lâm nghiệp của tỉnh.

5.6. Hoạt động thông tin và truyền thông

- Bưu chính đáp ứng kịp thời nhu cầu về chuyển phát thư, báo, các loại công văn giấy tờ, bưu phẩm, bưu kiện cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh, thể hiện rõ vai trò cánh tay nối dài của các cơ quan hành chính Nhà nước, đưa các dịch vụ hành chính công đến gần với người dân. Viễn thông, Internet đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, Nhà nước và nhân dân, nhất là trong công tác phòng chống dịch bệnh, lụt bão, giảm nhẹ thiên tai của tỉnh.

- Hoạt động phát thanh, truyền hình, báo chí xuất bản bảo đảm đúng tôn chỉ, mục đích. Số hóa truyền hình được thực hiện đúng theo lộ trình, phát thanh, truyền hình được đầu tư, nâng cấp phát sóng lên vệ tinh, nâng tỷ lệ phủ sóng phát thanh, truyền hình đạt 100%; tăng thời lượng và chất lượng các chương trình, đáp ứng yêu cầu thông tin, tuyên truyền trong Đảng bộ và nhu cầu của nhân dân.

5.7. Công tác sắp xếp, ổn định dân cư; phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Nhé, Nậm Pồ và vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La

Thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé và Nậm Pồ: Tập trung hoàn thiện

²⁸ Dự ước đến năm 2020: có 27 di tích được xếp hạng, có 12 di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đơn vị liên quan xây dựng 02 hồ sơ đưa vào danh mục “Di sản văn hóa đại diện của nhân loại”; có 18/19 dân tộc được kiểm kê; có 28 nghệ nhân được phong tặng nghệ nhân ưu tú.

²⁹ Dự ước đến năm 2020, tỷ lệ người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 30% so với tổng dân số; tỷ lệ gia đình thể thao đạt 19% so với tổng số hộ gia đình.

³⁰ Đã tổ chức triển khai 86 đề tài/dự án khoa học công nghệ (trong đó, trên 51% đề tài, dự án là nghiên cứu về thuộc lĩnh vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản; 26,7% về lĩnh vực Khoa học xã hội và nhân văn; 11,6% về lĩnh vực Y tế, giáo dục; còn lại là về Quốc phòng - an ninh và các lĩnh vực khác).

các công trình kết cấu hạ tầng, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ, ổn định đời sống, sản xuất cho người dân. Cơ bản bố trí sắp xếp, ổn định tại chỗ cho các hộ dân thuộc 159 điểm bản có đất ở và đất sản xuất; di chuyển và bố trí, sắp xếp ổn định cho 1.868 hộ với 5.268 nhân khẩu tại 32 bản mới và 06 bản cũ; đã hỗ trợ xây dựng nhà ở cho 1.801 hộ là người có công với cách mạng, gia đình chính sách, hộ nghèo trên địa bàn huyện Nậm Pồ và Mường Nhé (riêng huyện Mường Nhé 100% hộ gia đình chính sách, hộ nghèo đã được hỗ trợ nhà ở 03 cứng bằng nguồn vốn xã hội hóa). Đến nay, tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị ở cơ sở từng bước được kiện toàn, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, từng bước cải thiện đời sống của nhân dân.

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La: Tập trung chỉ đạo ưu tiên các nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng, ổn định sản xuất, định canh, định cư, giảm nghèo, nhiều hộ gia đình ở vùng tái định cư đã được chuyển đổi nghề nghiệp; đời sống vật chất và tinh thần của người dân sau tái định cư từng bước được cải thiện³¹, tình hình an ninh, chính trị bảo đảm ổn định³².

6. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường; xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động cấp phép, khai thác khoáng sản, hành vi gây ô nhiễm và hủy hoại môi trường của các cơ sở gây ô nhiễm môi trường; cải tạo, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tập trung khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn; chú trọng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Thực hiện tốt kế hoạch phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện kịch bản biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Quản lý và thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác giao đất, giao rừng; khai thác có hiệu quả tiềm năng về đất, cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất được phát huy tạo nguồn lực nhất định cho đầu tư phát triển³³.

7. Tình hình thực hiện các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh

- Vùng kinh tế động lực dọc Quốc lộ 279: Tập trung đầu tư từng bước nâng cấp đô thị thành phố Điện Biên Phủ đạt tiêu chuẩn đô thị loại II; cơ sở hạ tầng trung tâm huyện Điện Biên, thị trấn huyện Mường Ảng, Tuần Giáo, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Tây Trang tiếp tục được hoàn thiện; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng liên kết giữa doanh nghiệp với người dân

³¹ Bước đầu khai thác, phát huy được tiềm năng lợi thế, nhất là tiềm năng thủy sản và du lịch vùng lòng hồ thủy điện trên địa bàn tỉnh, tạo thêm việc làm ổn định cho nhiều hộ gia đình, kinh tế - xã hội và đời sống Nhân dân vùng lòng hồ được cải thiện rõ rệt; 83% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; 100% hộ gia đình được sử dụng điện sinh hoạt; 100% trẻ em đến tuổi được đến trường.

³² Chính sách hỗ trợ, sử dụng nguồn vốn và bố trí nguồn vốn chưa được các Bộ, ngành Trung ương thống nhất, bố trí kịp thời đã làm gián đoạn, hạn chế nguồn lực để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra của 02 đề án (Đề án 79 và Đề án sắp xếp, ổn định dân cư; phát triển KT-XH vùng đồng bào tái định cư thủy điện Sơn La).

³³ Đã thực hiện giao đất được 190 tổ chức, diện tích 2.259 ha; phê duyệt phê duyệt 30 báo cáo đánh giá tác động môi trường; cải tạo xử lý triệt để 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước hợp vệ sinh 99,6%; tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom và xử lý 100%; thu gom chất thải rắn ở đô thị 82%. Thực hiện đo đạc thành lập bản đồ các loại trên địa bàn toàn tỉnh là 352.254 ha; chiếm 36,92% diện tích tự nhiên; hoàn thành xong việc xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính 2/10 huyện, thị, thành phố.

nư: Lúa gạo vùng lòng chảo Điện Biên; mắc ca vùng Tuần Giáo, Điện Biên; cây ăn quả, cà phê vùng Mường Ảng, Tuần Giáo... góp phần đưa khu vực này tiếp tục là khu vực tăng trưởng năng động nhất, với mức đóng góp trên 70% tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

- Vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái Sông Đà: Tiềm năng, lợi thế của vùng từng bước được khai thác và đem lại hiệu quả nhất định; xây dựng các nhà máy thủy điện, phát triển các loại cây công nghiệp có thể mạnh (chè Tuyết Shan, nuôi trồng khai thác thủy sản, chăn nuôi gia súc, khoanh nuôi bảo vệ rừng); từng bước triển khai tuyến vận tải đường thủy gắn với phát triển du lịch trên lòng hồ thủy điện Sơn La.

- Vùng kinh tế Mường Chà - Nậm Pồ - Mường Nhé: Tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án sắp xếp, ổn định dân cư gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh huyện Mường Nhé; kết cấu hạ tầng của huyện Nậm Pồ từng bước hoàn thiện. Bước đầu tổ chức khai thác các lợi thế về rừng, đất lâm nghiệp và phát triển chăn nuôi đại gia súc; thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án trồng cây cao su, cây mắc ca, trồng rừng và thủy điện; từng bước khai thác tốt thương mại, mậu dịch biên giới với Trung Quốc qua lối mở A Pa Chải - Long Phú.

8. Công tác nội vụ, tư pháp, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

- Chú trọng công tác củng cố, xây dựng chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, công tác dân vận, dân vận chính quyền. Tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII và Nghị quyết số 15-NQ/TU, Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 16/3/2018 của Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập³⁴. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính về tinh giản biên chế, đảm bảo theo đúng lộ trình và kế hoạch đề ra³⁵.

- Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, đạt kết quả rõ nét; cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đi vào nền nếp; kỷ luật, kỷ cương hành chính được thực hiện nghiêm; lề lối, tác phong làm việc, trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức nâng lên. Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước đáp ứng công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, chuyên môn nghiệp vụ góp phần cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Công dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai cung cấp nhiều dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phục vụ

³⁴Sắp xếp đơn vị hành chính huyện Tủa Chùa và thành phố Điện Biên Phủ, giảm 01 đơn vị hành chính cấp xã; sắp xếp thôn, bản, tổ dân phố, đã sáp nhập 735 để thành lập 363 thôn, bản, tổ dân phố; sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, giảm được 87 đơn vị (từ 669 đơn vị năm 2015, giảm xuống còn 582 đơn vị năm 2020).

³⁵ Biên chế hành chính đã giảm được 8,63%, biên chế sự nghiệp giảm 7,2%.

các tổ chức và nhân dân. Cơ chế khoán biên chế và cơ chế quản lý tài chính chặt chẽ hơn³⁶.

- Công tác tư pháp đã được triển khai đồng bộ, toàn diện theo kế hoạch hàng năm; chất lượng xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL được nâng lên, đảm bảo tiến độ về thời gian góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, tính hợp hiến, hợp pháp, tính khả thi của văn bản. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, quản lý về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp được quan tâm đẩy mạnh.

- Hoạt động thanh tra tiếp tục được tăng cường và đạt kết quả tích cực. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ngày càng được quan tâm, các cấp, các ngành nắm chắc tình hình khiếu nại đông người để có kế hoạch giải quyết kịp thời ngay tại cấp cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết; đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp. Trong kỳ đã triển khai 305 cuộc thanh tra hành chính, 3.622 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; phát hiện vi phạm 41.130,8 triệu đồng; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 25.906,5 triệu đồng, loại khỏi giá trị quyết toán và xử lý khác 15.224,3 triệu đồng, thu hồi 53.571m² đất; kiến nghị xử lý hành chính đối với 23 tổ chức, 158 cá nhân; ban hành 1.871 quyết định xử phạt hành chính với tổng số tiền là 16.662,7 triệu đồng; đã tổ chức tiếp 7.220 lượt với 9.016 người trong đó có 101 đoàn đông người.

9. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Các chương trình, dự án, đề án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn được triển khai thực hiện hiệu quả, lồng ghép với nhiều nguồn vốn góp phần ổn định sản xuất, xóa đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh trật tự, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân³⁷.

- Quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo được tăng cường; tập trung tuyên truyền, phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch và phần tử xấu lợi dụng vấn đề “dân tộc”, “tôn giáo”, “dân chủ”, “nhân quyền” để xuyên tạc, vu khống, chống phá Đảng, Nhà nước; các âm mưu kích động, lôi kéo, chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp đã tạo điều kiện để các tổ chức, tín đồ tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật. Đã thành lập Giáo hội Phật giáo tỉnh Điện Biên, Giáo xứ Điện Biên; đến nay, đã cấp đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung

³⁶ Chỉ số cải cách hành chính (PARINDEX) năm 2019 của tỉnh xếp thứ 27/63 tỉnh, thành phố, tăng 36 bậc so với năm 2015; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, chỉ số CPI năm 2019 của tỉnh xếp thứ 44/63 thành phố, tăng 19 bậc so với năm 2015.

³⁷ Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người giai đoạn 2016-2025; Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Cống; Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào dân tộc thiểu số; Chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017-2020, Chính sách đối với người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số...

cho 302/412 điểm nhóm, đạt 73,3% (trong đó 289 điểm nhóm tin lành, 11 điểm nhóm công giáo, 02 điểm phật giáo). Các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định và tuân thủ theo pháp luật.

10. Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng; tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; duy trì quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tỉnh Đông Bắc Thái Lan. Mở rộng hợp tác kinh tế với các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước nhằm hội nhập quốc tế sâu rộng, thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bình quân đạt khoảng 3 triệu USD/năm. Chỉ đạo các cơ quan chức năng quản lý chặt chẽ hoạt động xuất, nhập cảnh, bảo đảm đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm các văn kiện pháp lý về biên giới quốc gia, tăng cường, mở rộng đối ngoại nhân dân; giải quyết kịp thời, có hiệu quả các vấn đề phát sinh trên tuyến biên giới, vấn đề di cư tự do, kết hôn không giá thú trong vùng biên giới; thực hiện có hiệu quả công tác phối hợp trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy tại khu vực biên giới, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới.

11. Về quốc phòng, an ninh

11.1. Công tác quân sự, quốc phòng

Thực hiện nghiêm, hiệu quả các nghị quyết, chiến lược của Bộ Chính trị³⁸, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; Luật Quốc phòng 2019 và các nghị định của Chính phủ về khu vực phòng thủ. Triển khai thực hiện hiệu quả, toàn diện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Chủ động nắm tình hình, không để đột xuất, bất ngờ xảy ra.

Hoàn thành 100% kế hoạch luyện tập, diễn tập khu vực phòng thủ và phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn với nhiều nội dung mới; công tác tuyển quân, xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân; xây dựng tiềm lực trong khu vực phòng thủ gắn với phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới. Bảo vệ vững chắc đường biên, cột mốc, giữ vững chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia, xây dựng tuyến biên giới hoà bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển.

11.2. Công tác bảo đảm an ninh - trật tự

Thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về

³⁸ Nghị quyết số 28-NQ/TW (khóa XI) về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”; Chỉ thị số 07-CT/TW của Ban Bí thư (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tinh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới.

công tác bảo đảm an ninh, trật tự³⁹. An ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh; các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và khách quốc tế đến thăm và làm việc tại tỉnh; chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, đối tượng phản động; tích cực đấu tranh, ngăn chặn các yếu tố gây mất ổn định an ninh quốc gia⁴⁰, giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp ngay tại cơ sở. Liên tục tấn công trấn áp các loại tội phạm, đẩy lùi các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội⁴¹. Thực hiện tốt các biện pháp quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; nhất là quản lý cư trú, quản lý các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cả về chiều sâu và chiều rộng⁴², góp phần xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và đối ngoại của tỉnh.

III. Đánh giá tổng quát về thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020

1. Đánh giá tổng quát

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Điện Biên đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu và đạt được nhiều kết quả tích cực khá; đa số các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu dự kiến đạt và vượt kế hoạch đặt ra, trong đó nổi bật là:

(1) Kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt được những kết quả quan trọng;

(2) Thu ngân sách trên địa bàn và huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết;

(3) Thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh có chuyển biến tích cực;

(4) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng, quan tâm đầu tư mở rộng, từng bước hoàn thiện.

³⁹ Kết luận số 86-KL/TW của Ban Bí thư và Nghị quyết số 51-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia; Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược an ninh mạng quốc gia; Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới; Chỉ thị số 48-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 21-CT/TW và Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy; chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy; phòng, chống tội phạm và phòng, chống mua bán người...

⁴⁰ Điều tra, xử lý 38 vụ, 85 đối tượng, khởi tố 26 vụ, 63 bị can phạm tội xâm phạm ANQG.

⁴¹ Điều tra làm rõ 918 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ, xử lý 1.269 đối tượng; phát hiện, bắt giữ 2.798 vụ, 3.215 đối tượng phạm tội về ma túy; phát hiện, xử lý 987 vụ, 1.062 cá nhân, tổ chức vi phạm trên lĩnh vực kinh tế, môi trường, khởi tố 94 vụ, 113 bị can.

⁴² Xây dựng, duy trì 32 mô hình với 4.038 tổ chức quần chúng bảo vệ ANTT ở cơ sở, 162 hòm thư tố giác tội phạm; bố trí, sắp xếp 1.994 cán bộ Công an xã và Công an viên thôn, bản; bố trí 100% Công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Trưởng, Phó trưởng Công an các xã trên địa bàn toàn tỉnh.

(5) Văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến rõ nét; giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện có hiệu quả, đời sống nhân dân từng bước được nâng lên, các vấn đề xã hội tiếp tục được quan tâm chỉ đạo giải quyết đạt kết quả;

(6) Cải cách hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm có chuyển biến tiến bộ;

(7) Tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, sắp xếp, theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

(8) Quốc phòng, an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được đảm bảo; tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh Điện Biên lần thứ XIV và nhiều sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội.

(9) Khối đoàn kết các dân tộc được tăng cường; Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được tăng cường, mở rộng.

2. Hạn chế, yếu kém

(1) Do tác động, ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2020 đạt thấp hơn nhiều so kế hoạch, dẫn đến tăng trưởng bình quân 5 năm 2016 - 2020 không đạt mục tiêu đề ra. Tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào đầu tư từ ngân sách nhà nước.

(2) Thực hiện ba khâu đột phá chiến lược còn thiếu đồng bộ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp so với yêu cầu.

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn chiếm tỷ trọng thấp so với tổng chi ngân sách. Quản lý, khai thác các tiềm năng, lợi thế để phát triển chưa tương xứng, nhất là tiềm năng lợi thế về sản xuất nông, lâm nghiệp, dịch vụ du lịch của tỉnh. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn hạn chế, nhất là quản lý xây dựng theo quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch rừng còn nhiều bất cập. Tiến độ triển khai thực hiện một số chương trình, dự án, công tác giải ngân, thanh quyết toán các nguồn vốn đầu tư còn chậm so với yêu cầu. Một số dự án đã thu hút được các nhà đầu tư song việc triển khai còn chậm.

(4) Văn hóa, y tế, giáo dục có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu. Hiệu quả cai nghiện ma túy thấp, tỷ lệ tái nghiện cao.

(5) Tỷ lệ hộ nghèo cao so với bình quân cả nước; nguy cơ tái nghèo còn tiềm ẩn; Chênh lệch về mức sống giữa các vùng còn lớn.

(6) Cải cách hành chính có nhiều tiến bộ nhưng có mặt còn hạn chế. Trình độ đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên song thực thi nhiệm vụ ở một số ngành, lĩnh vực hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa các ngành trong công tác quản lý có việc còn chưa chặt chẽ làm giảm hiệu lực hiệu quả công tác quản lý Nhà nước.

(7) An ninh, trật tự còn tiềm ẩn nhân tố mất ổn định, nhất là hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, tuyên truyền, lôi

kéo, kích động thành lập “Nhà nước riêng”; tội phạm và tệ nạn ma túy còn diễn ra phức tạp ở một số địa bàn.

(8) Thực hiện nhiệm vụ thanh tra, giám sát của một đơn vị, cơ quan chưa thường xuyên, chưa chủ động, hiệu quả chưa cao. Tự kiểm tra, tự phát hiện và xử lý vi phạm trong nội bộ vẫn là khâu yếu. Việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, xử lý vi phạm sau các kết luận kiểm tra, thanh tra, kiểm toán còn chậm, chưa triệt để.

(9) Công tác nắm tình hình, vận động giải quyết tâm tư nguyện vọng và những bức xúc trong nhân dân có lúc, có nơi, có việc chưa kịp thời. Triển khai thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động đôi khi còn hình thức. Phát huy chức năng giám sát, phản biện xã hội có nội dung, hiệu quả chưa cao.

3. Nguyên nhân

3.1. Nguyên nhân của những kết quả nổi bật

Tỉnh luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giúp đỡ kịp thời của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Chính phủ, Quốc hội và các ban, bộ, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể Trung ương; sự ủng hộ, hỗ trợ của các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp; sự đồng tình ủng hộ của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp để biến thời cơ, thuận lợi thành hành động. Cấp ủy, chính quyền các cấp đổi mới phương thức lãnh đạo, hoạt động chỉ đạo, điều hành; xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp lãnh đạo phù hợp; phát huy truyền thống Điện Biên Phủ anh hùng, tạo nên sức mạnh tổng hợp để đạt được các mục tiêu của đề ra.

3.2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại

a) Nguyên nhân khách quan

Xuất phát từ điều kiện một tỉnh miền núi, kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, xa các trung tâm kinh tế lớn, giao thông đi lại không thuận lợi, nguồn lực đầu tư chủ yếu dựa vào ngân sách Trung ương; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông kết nối chưa đáp ứng nhu cầu phát triển; phần lớn các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn có quy mô nhỏ, năng lực còn hạn chế; việc khai thác tiềm năng lợi thế, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào tỉnh và tiếp cận nguồn vốn tín dụng còn hạn chế. Các loại tội phạm, nhất là tội phạm về ma túy hoạt động ngày càng tinh vi, phức tạp. Một bộ phận người dân có trình độ nhận thức, phương thức canh tác còn lạc hậu.

Trong năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã có tác động mạnh đến quá trình thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân trên địa bàn tỉnh; tác động lớn đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và của cả giai đoạn 2016-2020.

b) Nguyên nhân chủ quan

Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền còn hạn chế; một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên chưa làm hết trách nhiệm; việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá trong phát triển

kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy hết sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân. Chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên có mặt chưa đáp ứng với yêu cầu của công cuộc đổi mới, một số cán bộ, đảng viên chưa chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ. Việc nắm tình hình, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ có nội dung chưa kịp thời và quyết liệt.

Việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo ở một số địa phương chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả. Một bộ phận hộ nghèo, người nghèo chưa có ý chí, nỗ lực vươn lên thoát nghèo, còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Chế độ, chính sách ưu đãi chưa kịp thời, thỏa đáng để thu hút được người tài về công tác tại vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Một là, chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối thành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông giữa quy định của Đảng và pháp luật Nhà nước. Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, thường xuyên bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, hướng dẫn sát với tình hình thực tiễn.

Hai là, cần nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, chủ động khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh nội tại; đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của Trung ương và các tỉnh, thành phố để phát triển. Nắm bắt, phân tích và dự báo sát với thực tế, đề ra chủ trương, giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, phù hợp với thực tiễn; phát huy tính năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ; nâng cao tính kỷ luật trong việc tổ chức triển khai, thực hiện.

Ba là, phải chủ động, tích cực trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả; mạnh dạn tổ chức thực hiện với bước đi chắc chắn, không chủ quan, nóng vội; nắm vững quan điểm phát triển bền vững, chú trọng tăng trưởng kinh tế đi đôi với chăm lo phát triển xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, giải quyết có hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Bốn là, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, thực hiện phân công, phân cấp theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với thực tế, gắn tổ chức thực hiện nhiệm vụ với trách nhiệm người đứng đầu. Làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực thi công vụ.

Năm là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; vai trò giám sát của nhân dân; nắm bắt và tập trung giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc, lợi ích chính đáng của nhân dân ngay từ cơ sở. Phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực vượt khó của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tập hợp được sức mạnh, sự đồng thuận của Nhân

dân trong tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, đặc biệt trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các chương trình, dự án.

Sáu là, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình, dự báo tình huống có thể xảy ra, đề ra những phương án, giải pháp đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay tại cơ sở.

PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. Bối cảnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Tình hình thế giới và khu vực tiếp tục có những thay đổi lớn, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng. Môi trường kinh tế toàn cầu còn tiềm ẩn những yếu tố khó lường do ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu. An ninh trật tự, tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông tiếp tục diễn biến phức tạp.

Đảng, nhà nước và Quốc hội tiếp tục có những chủ trương, chính sách lớn cho phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kinh tế của tỉnh trong những năm qua tiếp tục duy trì mức tăng trưởng hợp lý, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực; tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt kết quả quan trọng; một số chương trình, dự án lớn cơ bản hoàn thành giai đoạn chuẩn bị đầu tư là tiền đề và động lực cho sự phát triển của tỉnh trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên với một tỉnh miền núi, biên giới, Điện Biên còn nhiều khó khăn thách thức, xa các trung tâm kinh tế lớn của đất nước, giao thông đi lại khó khăn, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Nhu cầu cho đầu tư phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu rất lớn. Trong khi nguồn lực còn hạn hẹp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều nhân tố gây mất ổn định, nhất là vấn đề di dịch cư tự do, mua bán vận chuyển trái phép chất ma túy qua biên giới. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong giai đoạn 2020-2025.

II. Mục tiêu tổng quát: Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, các ngành; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc; đẩy mạnh đổi mới toàn diện, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, tập trung huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị đồng bộ theo hướng hiện đại; khai thác hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc và di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân; giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng và an ninh. Quyết tâm đưa Điện Biên thành tỉnh phát triển

nhanh và bền vững.

III. Mục tiêu chủ yếu

1. Về kinh tế

(1)- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân đạt 7,16%/năm⁴³; đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt trên 52 triệu đồng/năm.⁴⁴

(2)- Cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp chiếm 16,42%, giảm 2,34% so với năm 2020; công nghiệp - xây dựng 21,35%, tăng 2,25% so với năm 2020; dịch vụ 59,92%, tăng 2,28% so với năm 2020; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 2,31%, giảm 2,19% so với năm 2020.

(3)- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 2.000 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 khoảng 95 nghìn tỷ đồng.

(4)- Tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2025 đạt 280 nghìn tấn. Tốc độ tăng đàn gia súc bình quân đạt 3,5%/năm.

(5)- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng từ 10-12%/năm.

(6)- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến năm 2025 đạt 24.700 triệu đồng; tăng bình quân đạt 15,61%/năm. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giai đoạn 2021-2025 đạt 401 triệu USD; năm 2025 đạt 95 triệu USD.

(7)- Phân đầu đến năm 2025, đón khoảng 1.300 ngàn lượt khách, trong đó có 300 ngàn lượt khách quốc tế; tổng thu từ du lịch đạt 2.400 tỷ đồng.

2. Về xã hội

(8)- Quy mô dân số trung bình <66,8 vạn dân; tốc độ tăng dân số hằng năm <1,65%.

(9)- Mỗi năm đào tạo nghề cho 8.000 - 8.300 lao động; tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo đạt 80%; phân đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên (có văn bằng, chứng chỉ) đạt 40%; tạo việc làm mới cho 9.000 lao động/năm; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 2,5%.

(10)- Giảm tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều từ 29,93% năm 2020 xuống còn dưới 16% năm 2025 (bình quân giảm 2,97 điểm %/năm), trong đó các huyện nghèo nhóm 1 giảm trên 4%/năm, các huyện nghèo nhóm 2 giảm trên 3,5%/năm.

(11)- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã 95%; duy trì tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 95%; trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 13 bác sỹ/1 vạn dân; tỷ lệ người dân tham

⁴³ Việc đề xuất mục tiêu về tốc độ phát triển GRDP và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2021-2025 được căn cứ trên kết quả đánh giá lại quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) dự ước nhịp độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên là 6,06% (Văn bản số 513/CTK-TKQG, ngày 25/11/2019 của Cục Thống kê Điện Biên).

⁴⁴ Chỉ tiêu GRDP bình quân/người không thấp hơn so với Nghị quyết, là do Quy mô GRDP kỳ gốc (2021) sau khi tính toán, cập nhật lại theo thực tế có giá trị nhỏ hơn so với thời điểm trình dự thảo Nghị quyết, mặt khác quy mô dân số sau tổng điều tra dân số có sự biến động tăng lên so với dân số dự ước để tính trong Nghị quyết; dẫn đến GRDP bình quân/người/năm sau khi tính toán lại chỉ được 52,4 triệu đồng/người/năm, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng GRDP vẫn đảm bảo mục tiêu NQ đề ra (trên 7%).

gia Bảo hiểm y tế trên 99%. 100% số trạm y tế xã có bác sỹ làm việc; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi) giảm xuống còn <15%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (chiều cao/tuổi) giảm xuống còn <20%.

(12)- Trên 75% trường học đạt chuẩn quốc gia; trên 70% trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Đến năm 2025 đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, THCS mức độ 3; duy trì vững chắc kết quả xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tiến tới phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi.

(13)- 72% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 65% số thôn, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Thôn, bản, tổ dân phố văn hóa”; 93% số cơ quan, trường học đạt chuẩn văn hóa.

(14)- Có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành xây dựng nông thôn mới; toàn tỉnh có 31 xã đạt chuẩn và 21 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (tương đương 45% số xã); không còn xã dưới 10 tiêu chí; bình quân đạt 14 tiêu chí/xã; có 45-50% số thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Phần đầu ít nhất 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Hạ tầng thiết yếu, môi trường

(15)- 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm; 100% số trạm y tế có cơ sở hạ tầng bảo đảm quy định của Bộ Y tế; 100% phòng học và 90% phòng nội trú được kiên cố hóa; 98% hộ dân được sử dụng điện lưới.

(16)- 100% xã có điểm phục vụ bưu chính, 100% khu vực có dân cư sinh sống, làm việc được phủ sóng thông tin di động mạng 4G, 5G, tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng tiêu dùng dữ liệu đạt 71,5%; tỷ lệ hộ gia đình có thể kết nối Internet băng thông rộng cố định đạt 80%; tỷ lệ xã, phường, thị trấn có đài truyền thanh đạt 100%, tỷ lệ hộ gia đình được xem đài truyền hình tỉnh đạt 56%.

(17)- 100% người dân thành thị được sử dụng nước sạch; trên 85% người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh⁴⁵; trên 88% chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,5%.

4. Xây dựng chính quyền

(18)- Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ phó phòng trở lên: 100% có trình độ đại học (trong đó 40% trở lên có trình độ trên đại học); 100% được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn đối với các chức danh quy định. Cán bộ, công chức cấp xã: 100% được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; 100% cán bộ chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị.

IV. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục quán triệt, triển khai, cụ thể hóa và đẩy mạnh thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng

⁴⁵ Do bộ tiêu chí đánh giá mới khắt khe hơn; đồng thời nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho nước sạch nông thôn giai đoạn tới hạn chế, nhiều chương trình kết thúc như: Chương trình mở rộng quy mô nước sạch và nông thôn, Chương trình 135... do đó dự ước mức tăng bình quân là 0,37%/năm.

an ninh, trọng tâm là: Tập trung huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực từ đất đai và các thành phần kinh tế để phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, hiện đại. Trong đó tập trung phát triển hạ tầng giao thông kết nối, nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các trục kết nối có tác động liên vùng. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng đô thị với tầm nhìn dài hạn, đặc biệt là quy hoạch của thành phố Điện Biên Phủ; phân đầu xây dựng thành phố Điện Biên Phủ đạt tiêu chí đô thị loại II; đồng thời tập trung nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, tạo cơ chế thu hút mạnh nguồn lực cho đầu tư phát triển; chú trọng trong việc phát hiện người tài, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển.

(2) Khai thác hợp lý và có hiệu quả các tiềm năng thế mạnh về phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch, thủy điện, khoáng sản và kinh tế cửa khẩu để tăng trưởng bền vững gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng hiện đại. Trong đó đặc biệt chú trọng các lĩnh vực sau:

- Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể và thu hút đầu tư vào phát triển Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang, tỉnh Điện Biên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030; Chuẩn bị và tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 70 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đặc sắc, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống, cạnh tranh được với các tỉnh trong khu vực. Đẩy mạnh thực hiện hợp tác phát triển du lịch. Phân đầu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác.

- Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, phát triển bền vững, gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế. Đặc biệt là đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ cao, tăng quy mô sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn, hữu cơ; ứng dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, trong đó chú trọng về các giống cây trồng và vật nuôi mới có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai của từng vùng. Tăng cường xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

- Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp, trọng tâm là ngành công nghiệp chế biến, trong đó tập trung vào công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm theo chuỗi liên kết giá trị.

(3) Khẩn trương lập, ban hành quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch đảm bảo tiến độ và chất lượng cao, có tầm nhìn dài hạn. Đẩy mạnh tái cơ cấu đầu tư công, tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tập trung triển khai các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm, đặc biệt là dự án xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên.

(4) Tiếp tục đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với ứng dụng khoa học, công nghệ, đưa nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và dạy nghề. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ xã hội, nâng cao dân trí. Gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết công bằng xã hội, khắc phục chênh lệch giữa các địa bàn.

(5) Tích cực giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững và giải quyết việc làm cho người lao động, đặc biệt là đối với đồng bào dân dân tộc thiểu số và vùng khó khăn; đẩy lùi các tệ nạn xã hội gây bức xúc trong nhân dân, nhất là tệ nạn nghiện ma túy và HIV/AIDS.

(6) Tiếp tục xây dựng và phát huy giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc, xây dựng con người phát triển toàn diện; tạo chuyển biến mạnh trong xây dựng văn hóa, đạo đức và lối sống cán bộ, công chức, viên chức, lao động và người dân; kiểm soát tốc độ tăng dân số.

(7) Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó hiệu quả biến đổi khí hậu và phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là trong mùa mưa lũ.

(8) Nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó tập trung vào cải cách thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Quan tâm thực hiện các nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới nền kinh tế số và xã hội số; quyết liệt thực hiện tinh giản biên chế gắn với hoàn thiện quy định và bố trí cán bộ theo tiêu chuẩn năng lực chức danh, vị trí việc làm; chủ động và tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, trong thực thi nhiệm vụ; tiếp tục cải cách môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thân thiện, thông thoáng, minh bạch, thân thiện cho doanh nghiệp và Nhà đầu tư.

(9) Củng cố vững chắc khối đại đoàn kết các dân tộc, phát huy dân chủ. Tăng cường xây dựng các tiềm lực quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

V. Một số cân đối lớn

1. Dự báo cân đối nguồn lực

Để đạt được tốc độ tăng trưởng 7,16%/năm và thực hiện đạt các nhiệm vụ về củng cố phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đã đề ra giai đoạn đến năm 2025, tổng nhu cầu đầu tư giai đoạn 2021-2025 cần khoảng 95.000 tỷ đồng, bình quân khoảng 19.000 tỷ đồng/năm. Dự kiến huy động từ các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước 37.814 tỷ đồng, chiếm 39,80% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Doanh nghiệp nhà nước 545 tỷ đồng, chiếm 0,57% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Dân cư và doanh nghiệp tư nhân 46.996 tỷ đồng, chiếm 47,09% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài 180 tỷ đồng, chiếm 0,14% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

- Huy động khác 9.465 tỷ đồng, chiếm 9,96% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội.

2. Giải pháp huy động, quản lý nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng

2.1. Về huy động nguồn lực: Tập trung khai thác tốt hơn các nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Trung ương, kết hợp với Ngân sách địa phương. Tạo cơ chế thuận lợi để thu hút nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế, thực hiện đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Đối với các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước

Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm và hằng năm giai đoạn 2021-2025; tăng cường nắm bắt thông tin, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để kịp thời, báo cáo đề xuất bổ sung nguồn lực đầu tư để thực hiện các chương trình, dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững nằm ngoài tiêu chí định mức bố trí vốn cho các địa phương. Tập trung nguồn lực đầu tư từ Ngân sách nhà nước để đầu tư hoàn thành chương trình, dự án trọng điểm, các khu vực đô thị và cơ sở hạ tầng cơ bản trên địa bàn tỉnh.

2.3. Đối với các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế: Tăng cường việc khai thác bổ sung nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế theo hướng: Thực hiện tốt công tác quy hoạch, lập danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất có chất lượng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, đất có giá trị thương mại cao tại các khu đô thị, đảm bảo phát huy có hiệu quả nguồn lực từ đất đai; xây dựng cơ chế phù hợp để huy động tốt các nguồn lực trong nhân dân để phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn và các công trình phúc lợi công cộng.

VI. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực và cơ cấu kinh tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách theo hướng đồng bộ, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả

Kịp thời xây dựng ban hành đồng bộ cơ chế, chính sách Trung ương phân cấp cho địa phương phù hợp với thực tế, bảo đảm tính khả thi nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khai thác sử dụng hiệu quả tiềm năng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tập trung nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách đặc thù để khai thác tiềm năng, phát huy mọi nguồn lực, thu hút đầu tư trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị và phát triển du lịch; trong đó xác định bút phá từ nguồn lực bên trong là quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng nhằm tận dụng tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

2. Về phát triển kinh tế

2.1. Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với khai thác tiềm năng, lợi thế. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại sản xuất nông, lâm nghiệp, quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với cây trồng, vật nuôi; nâng cấp, quản lý và sử dụng hiệu quả các công trình thủy lợi. Đẩy mạnh, mở rộng các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm; chú trọng nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình sản xuất có hiệu quả. Tăng cường xây dựng, phát triển thương hiệu nông sản, xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm hàng hóa chủ lực theo chuỗi liên kết. Tăng cường mời gọi, thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn vào đầu tư, phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh theo chuỗi khép kín từ sản xuất-chế biến-tiêu thụ, đặc biệt là phát triển Mắc ca, dược liệu, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao,... gắn với xây dựng thương hiệu, nguồn gốc sản phẩm; thực hiện tốt các giải pháp để nâng cao chất lượng, giá trị thương hiệu gạo, chè, cà phê.

Tập trung chuyên đổi cơ cấu cây trồng, phát triển cây ăn quả, các loại rau, củ có giá trị kinh tế cao ở những vùng có tiềm năng, ưu tiên ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu đưa Điện Biên tham gia vào chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa, nông sản... Các vùng chưa có điều kiện sản xuất hàng hóa tập trung tiếp tục đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ, hoàn thiện hạ tầng cơ sở để bảo đảm nguồn cung cho nhân dân.

Phát triển chăn nuôi trên cơ sở các sản phẩm có lợi thế, đặc sản của từng vùng như dê Tủa Chùa, trâu Mường Nhé, Nậm Pồ, bò Điện Biên Đông... Tăng cường khoanh nuôi tái sinh rừng; phát triển rừng sản xuất, lâm sản ngoài gỗ có giá trị; tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, đẩy mạnh tổ chức triển khai thực hiện giao rừng và đất lâm nghiệp chưa có rừng theo Kế hoạch số 2783/KH-UBND ngày 20/9/2019 của UBND tỉnh. Tăng cường xây dựng và mở rộng các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp an toàn, đặc trưng, đặc sản kết hợp với phát triển du lịch sinh thái.

Thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó: Tập trung hoàn thành các xã nông thôn mới nâng cao; thôn, bản nông thôn mới; thôn, bản nông thôn kiểu mẫu; ưu tiên đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu ở nông thôn; tăng cường phát triển các loại hình dịch vụ nông nghiệp. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu gắn với công nghiệp hóa, cơ giới hóa nền nông nghiệp.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư ở các khu vực có nguy cơ sạt lở cao, ưu tiên vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, dịch bệnh.

2.2. Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp, trọng tâm là ngành công nghiệp chế biến, trong đó tập trung vào công nghiệp chế biến nông, lâm sản và thực phẩm theo chuỗi liên kết giá trị. Gia tăng các sản phẩm chế biến từ nông

sản, thực phẩm để nâng cao giá trị, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh và phục vụ du lịch, tạo điều kiện để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp. Có chính sách khuyến khích và chú trọng khôi phục các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống.

Phát triển nguồn, lưới điện giai đoạn 2021-2025: Tiếp tục vận hành khai thác ổn định, có hiệu quả các nhà máy thủy điện; đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, điện mặt trời, các dự án truyền tải, phân phối điện theo quy hoạch. Phân đầu đến năm 2025, sản lượng điện năng đạt 938 triệu kWh, tổng công suất lắp đặt của các nhà máy sản xuất điện là 329,5 MW. Sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với định hướng quy hoạch. Tập trung thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp hiện có tại huyện Điện Biên; lập quy hoạch và triển khai xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư tại các cụm công nghiệp tại huyện Tuần Giáo, Mường Ảng.

Quản lý và thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đầu tư đối với các lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất.

2.3. Phát triển các ngành dịch vụ

Trên cơ sở tiềm năng, các ngành dịch vụ có lợi thế tập trung phát triển thương mại theo hướng khai thác tốt thị trường trong tỉnh kết hợp đẩy mạnh giao thương; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển, gắn hiệu quả kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chủ động hội nhập.

Đẩy mạnh đầu tư, xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư phát triển kinh tế cửa khẩu Tây Trang; đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất hạ tầng tại cửa khẩu Huổi Puốc; đề xuất Chính Phủ nâng cấp lối mở A Pa Chải thành cửa khẩu chính. Tăng cường các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân bằng các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường, hỗ trợ khởi nghiệp.

Tập trung phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch gắn với bảo vệ môi trường bền vững; phát triển nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo mang đậm bản sắc và văn hóa truyền thống. Tham gia tích cực, hiệu quả các chương trình hợp tác phát triển du lịch của vùng và khu vực Tây Bắc. Tích cực ứng dụng công nghệ cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển du lịch. Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển các loại hình du lịch, đưa du lịch của tỉnh thành ngành mũi nhọn.

Tiếp tục phát triển các ngành dịch vụ như: vận tải, giáo dục, tài chính - ngân hàng, pháp luật, chăm sóc sức khỏe, giải trí... Phát triển nhanh, đa dạng hóa các dịch vụ bưu chính, viễn thông nhằm cung cấp cho người sử dụng các dịch vụ với chất lượng cao, an toàn, bảo mật, đáp ứng mọi nhu cầu thông tin của nhân dân, phục vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

2.4. Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm

a) Đầu tư công

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Tranh thủ các nguồn lực từ Trung

ương và các nguồn vốn khác; tập trung phân bổ nguồn lực đầu tư công vào các công trình, dự án trọng điểm, dự án đầu tư phát triển đô thị có hiệu quả; các công trình thiết yếu, cấp bách ở các lĩnh vực: giao thông, hạ tầng đô thị, thủy lợi, điện nông thôn, giáo dục, y tế, các công trình ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới khó khăn. Ưu tiên dành vốn từ ngân sách do tinh quản lý (vốn đầu tư cân đối ngân sách địa phương, nguồn thu từ đất, nguồn tăng thu...) bố trí cho công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng các điểm tái định cư, tạo ra quỹ đất sạch cho các dự án phát triển đô thị và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP), qua đó khai thác có hiệu quả nguồn lực từ đất đai cho đầu tư phát triển; ưu tiên tập trung thực hiện tại thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và thị trấn các huyện theo quy hoạch.

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 phải gắn với mục tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Việc cân đối bố trí các nguồn lực bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững, đồng thời tạo ra hạ tầng đô thị để thu hút nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước.

b) Hoạt động tài chính, ngân hàng

Huy động các nguồn thu vào ngân sách, tăng khả năng cân đối phục vụ nhiệm vụ chi thường xuyên và đầu tư phát triển, quản lý và khai thác tốt các nguồn thu hiện có, bồi dưỡng nguồn thu mới, ổn định, lâu dài từ sản xuất, tài nguyên đất, khoáng sản, nguồn nước. Phấn đấu đến năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 2.000 tỷ đồng, nhịp độ tăng thu bình quân giai đoạn đạt 10,2%/năm. Nâng mức dư nợ tín dụng năm 2025 là 35.000 tỷ đồng, tăng bình quân 10%/năm; nợ xấu phấn đấu thực hiện ở mức dưới 3%/tổng dư nợ. Duy trì và mở rộng các Ngân hàng thương mại cổ phần, nâng cao chất lượng các loại thị trường và loại hình cung cấp dịch vụ tín dụng; phát triển và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng.

c) Doanh nghiệp nhà nước

Rà soát, xây dựng danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa; xây dựng danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2021-2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 908/QĐ-TTg, ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai thực hiện thoái vốn nhà nước tại 4 doanh nghiệp: Công ty CP In Điện Biên; Công ty CP Công trình giao thông tỉnh Điện Biên; Công ty CP Lạc Hồng Điện Biên; Công ty CP Tư vấn và Đầu tư xây dựng tỉnh Điện Biên.

2.5. Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh và liên kết vùng

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, ban hành các cơ chế chính sách đặc thù để thu hút đầu tư khai thác tiềm năng lợi thế của 3 vùng kinh tế (Vùng kinh tế động lực dọc Quốc lộ 279, Vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái Sông Đà, Vùng kinh tế Mường Chà - Nậm Pồ - Mường Nhé).

Phối hợp với các địa phương liên quan đề xuất Trung ương ban hành cơ chế liên kết vùng Kinh tế trọng điểm khu vực Tây bắc; khai thác hiệu quả chương trình hợp tác về phát triển sản xuất hàng hóa, tạo liên kết vùng và thu

hút đầu tư vào khu vực Tây Bắc; trọng tâm là tập trung vào các lĩnh vực: phát triển du lịch, dịch vụ; nông nghiệp công nghệ cao; hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hình thành các hành lang kinh tế; phối hợp bảo vệ môi trường... xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch. Mở rộng liên kết với các trung tâm kinh tế khu vực Đông Bắc, Bắc trung bộ, Nam trung bộ thông qua việc phát huy lợi thế kết nối từ Cảng Hàng không Điện Biên. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, liên kết vùng, khu vực nhằm chia sẻ cơ hội, lợi ích và trách nhiệm để cùng nhau phát triển.

2.6. Phát triển các thành phần kinh tế

Đẩy mạnh triển khai Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư năm 2020. Tiếp tục quán triệt, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước để phát triển mạnh kinh tế tư nhân, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể góp phần thúc đẩy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khuyến khích đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, xóa bỏ mọi rào cản, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động tư vấn, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; mở rộng các hình thức liên kết và hợp tác; tăng cường năng lực quản trị, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt cơ chế, chính sách hỗ trợ về đất đai, tiếp cận vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật, hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cho phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2.7. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng cơ chế chính sách tạo đột phá, thu hút đầu tư phát triển

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực tỉnh có lợi thế, các dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tạo cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân, ưu tiên và tạo những điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, thương mại, du lịch.

Rà soát, điều chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, thành phần kinh tế về hỗ trợ trực tiếp theo chế độ, chính sách, thuế, thủ tục hành chính, đặc biệt là đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh. Thực hiện tốt công tác hậu kiểm sau đăng ký doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Xây dựng danh mục dự án trọng điểm, tiềm năng; các dự án đầu tư vào nông nghiệp và nông thôn; các dự án đô thị, thương mại, dịch vụ để kêu gọi, thu hút đầu tư giai đoạn 2020 - 2025. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào những lĩnh vực ưu tiên. Thường xuyên nắm bắt tình hình triển khai các dự án đầu tư, kịp thời giải quyết tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các dự án. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy

Đảng, hệ thống chính trị trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tích tụ ruộng đất, tạo quỹ đất sạch cho thu hút đầu tư vào tỉnh.

2.8. Cơ cấu kinh tế trong Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025

Để đạt mục tiêu tăng trưởng GRDP 7,16%/năm một cách hiệu quả, ổn định và bền vững cần thiết phải lựa chọn một cơ cấu kinh tế hợp lý theo quan điểm xây dựng một cơ cấu kinh tế tiến bộ theo xu thế phát triển, đồng thời đảm bảo sự hài hòa giữa các khối ngành, các khu vực.

Về cơ cấu giữa khu vực nông nghiệp và phi nông nghiệp: Để tạo sự tăng trưởng hiệu quả và bền vững, bên cạnh việc tiếp tục đầu tư cho phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp nhằm nâng cao thu nhập, tạo sự ổn định cho bộ phận lớn dân cư sống trong khu vực nông thôn; cần tăng cường thu hút đầu tư phát triển nhanh các ngành công nghiệp, dịch vụ để tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế chung và tạo thêm nhiều việc làm mới cho khu vực phi nông nghiệp. Đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trong nông nghiệp và nông thôn, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và các loại hình dịch vụ nông nghiệp, nông thôn để giảm bớt số lao động nông lâm nghiệp thuần túy, tăng các ngành phi nông nghiệp, tạo sự phát triển hài hòa giữa khu vực nông lâm nghiệp và phi nông nghiệp.

Về cơ cấu giữa khối ngành sản xuất và khối dịch vụ: Khối ngành dịch vụ có vai trò rất lớn trong tăng trưởng kinh tế nói chung và là yếu tố hết sức quan trọng thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển; việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng của khu vực dịch vụ là yêu cầu cấp thiết. Trong giai đoạn tới ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ phục vụ sản xuất và dịch vụ thị trường sử dụng nhiều lao động như dịch vụ thương mại, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà hàng... Duy trì tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ ở mức cao hơn tốc độ tăng trưởng của khu vực sản xuất để tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GRDP, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển.

Về cơ cấu giữa 3 khối ngành: Sản xuất nông lâm nghiệp là ngành kinh tế quan trọng, tạo sự ổn định xã hội trên từng địa bàn, do vậy cần duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, giữ tỷ lệ cân đối trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Để rút ngắn khoảng cách về GRDP/người so với trung bình cả nước đòi hỏi phải nâng đều quy mô của các khu vực kinh tế và tăng tỷ trọng của các ngành công nghiệp, xây dựng và nhất là các ngành dịch vụ, làm động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Xu hướng về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong những năm tới là giữ tỷ trọng nông lâm nghiệp, công nghiệp - xây dựng ở mức phù hợp, tăng tỷ trọng dịch vụ trên cơ sở kết hợp chặt chẽ với chuyển dịch lao động và phân bố sắp xếp lại dân cư trong toàn tỉnh.

3. Về lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

3.1. Phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội

a) Phát triển nguồn nhân lực

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; gắn đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng nguồn nhân lực với thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; mở rộng các hình thức đào tạo, dạy nghề, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, liên kết đào tạo, trọng tâm là đào tạo các ngành nghề phù hợp với nhu cầu nhân lực và thị trường lao động; mở rộng hợp tác quốc tế trên lĩnh vực nhân lực. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất và quản lý. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có trình độ năng lực, phẩm chất đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; đội ngũ doanh nhân, chuyên gia, quản trị doanh nghiệp, có năng lực tổ chức sản xuất, kinh doanh thích ứng với cơ chế thị trường.

b) Công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo và các chính sách an sinh xã hội

Thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, chính sách giảm nghèo, chính sách đối với người có công, chính sách đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số và các chính sách an sinh xã hội khác. Chú trọng công tác đào tạo, dạy nghề cho người lao động, đặc biệt là dạy nghề cho lao động nông thôn; bảo đảm cân đối lao động và việc làm hàng năm.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, điều chỉnh, bổ sung các ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu giải quyết việc làm. Tập trung đầu tư, phát triển các hoạt động thông tin, dự báo thị trường lao động. Liên kết, phối hợp với các tỉnh có điều kiện phát triển công nghiệp để đưa lao động trong tỉnh đi đào tạo và làm việc tại các khu, cụm công nghiệp nhằm giải quyết việc làm cho lao động của tỉnh, tăng thu nhập và xóa đói giảm nghèo. Nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chuyên nghiệp của tỉnh; tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo, tuyển dụng lao động sau đào tạo.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo, người nghèo; triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm góp phần tăng thu nhập cho người nghèo; hỗ trợ về giáo dục và đào tạo; về y tế và dinh dưỡng; nhà ở và hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ trợ giúp pháp lý, các nguồn vốn tín dụng ưu đãi giúp nhân dân vươn lên thoát nghèo bền vững.

Thực hiện rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách bảo đảm an sinh xã hội tại địa phương; Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn. Tiếp tục đề xuất sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung mở rộng đối tượng thụ hưởng các chế độ, chính sách cho phù hợp. Đẩy mạnh huy động mọi nguồn lực xã hội hóa để thực hiện trợ giúp xã hội trên địa bàn; thực hiện hiệu quả, kịp thời chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp.

3.2. Công tác Giáo dục, đào tạo

Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; phát triển toàn diện cả về năng lực và phẩm chất người học; rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học nhằm thực hiện việc tinh giản bộ máy, đầu mối, biên chế, gắn với nâng cao chất lượng giáo dục; huy động trẻ em trong độ tuổi đi học. Cùng cố mở rộng, nâng quy mô các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú,

trường trung học phổ thông, xây dựng xã hội học tập. Ưu tiên nguồn ngân sách nhà nước và tăng cường huy động các nguồn xã hội hóa để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo theo hướng toàn diện. Thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với điều kiện địa phương.

Tiếp tục kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề; gắn đào tạo với nhu cầu nhân lực của thị trường. Nâng cao hiệu quả liên kết đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chuyên nghiệp của tỉnh; tăng cường liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo, tuyển dụng lao động sau đào tạo. Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo với Lào, Thái Lan, tỉnh Vân Nam Trung Quốc.

3.3. Công tác Y tế - Dân số

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy ngành Y tế từ tuyến tỉnh đến cơ sở. Đẩy mạnh thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Tăng cường kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, phát hiện sớm và xử trí kịp thời, không để dịch lớn xảy ra. Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số và các hoạt động y tế trên địa bàn. Tập trung chỉ đạo quyết liệt các hoạt động: Phòng chống HIV/AIDS, Dân số và phát triển, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe sinh sản, công tác tiêm chủng mở rộng, phòng chống các bệnh không lây nhiễm.

Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện tốt Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện; đảm bảo chế độ chính sách cho khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách. Tăng cường quản lý công tác khám chữa bệnh BHYT. Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nhân lực, nhất là đào tạo chuyên khoa sâu, ưu tiên cho tuyến y tế cơ sở. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo tuyến và tăng cường hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho tuyến y tế cơ sở.

Tiếp tục đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các cơ sở y tế nhằm đáp ứng tốt hơn nữa công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đẩy mạnh việc thực hiện xã hội hóa các hoạt động y tế; Nâng cao năng lực quản lý y tế.

3.4. Công tác Văn hóa - Thể thao

Tiếp tục triển khai các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển văn hóa con người toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững⁴⁶. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức lễ hội Hoa Ban hằng năm, các hoạt động chào mừng kỷ niệm 70 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/2024). Thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; nhân rộng mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu.

Tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ phong trào thể dục, thể thao quần

⁴⁶ Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 10/12/2014 của Tỉnh ủy Điện Biên về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Điện Biên.

chúng, nhất là trong lực lượng thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Ưu tiên đầu tư phát triển các môn thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao mà tinh có thể mạnh. Từng bước hình thành, tổ chức các sự kiện thể thao giải trí, thể thao đặc thù nhằm thu hút khách du lịch.

3.5. Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Bảo đảm các quyền cơ bản của trẻ em; tăng cường trách nhiệm của gia đình và cộng đồng đối với công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Chú trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ quyền lợi của trẻ em, tạo môi trường an toàn, lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Tăng cường các dịch vụ xã hội có chất lượng, tập trung vào dịch vụ công tác xã hội, dịch vụ chăm sóc nhận nuôi tại cộng đồng và phục hồi chức năng cho trẻ khuyết tật; tập trung nguồn lực bảo vệ và chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, ưu tiên hỗ trợ bảo vệ và chăm sóc trẻ em vùng nông thôn nghèo, vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường thực hiện hiệu quả luật pháp và chính sách về bảo vệ chăm sóc trẻ em, các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức và hành vi về bảo vệ chăm sóc trẻ em.

3.6. Công tác bình đẳng giới

Bảo đảm bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tạo sự bình đẳng về giới, nâng cao hiệu quả hoạt động vì sự tiến bộ của phụ nữ, giảm dần khoảng cách, xóa bỏ dần các định kiến về giới.

Thực hiện bình đẳng giới, nâng cao vị thế của phụ nữ trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, việc làm, chăm sóc sức khỏe và tham gia lãnh đạo, quản lý... Tăng tỷ lệ lao động nữ trong tổng số người mới được giải quyết việc làm và nâng tỷ lệ phụ nữ được đào tạo trong tổng số lao động nữ đang làm việc. Thực hiện quyền bình đẳng giới trong chăm sóc sức khỏe, đảm bảo phụ nữ được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, Chính quyền các cấp trong nâng cao nhận thức về quyền bình đẳng giới. Thực hiện quy hoạch, đào tạo cán bộ nữ đáp ứng yêu cầu mới.

Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác nhằm nâng cao nhận thức của mọi người về quyền bình đẳng giới. Chú trọng đến phụ nữ vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người. Thực hiện đấu tranh chống phân biệt đối xử phụ nữ, buôn bán ngược đãi phụ nữ.

3.7. Công tác Phòng, chống tệ nạn xã hội

Thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, đồng thời triển khai các biện pháp quản lý sau cai nghiện như giao cho chính quyền xã, phường trực tiếp quản lý, giúp đỡ không để bên ngoài tác động gây tái nghiện; phát huy hiệu quả các Trung tâm giáo dục lao động xã hội; tổ chức đào tạo nghề, ưu tiên vay vốn giải quyết việc làm, vận động toàn dân gần gũi, giúp đỡ các đối tượng nghiện tránh định kiến và mặc cảm. Làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền ngăn ngừa tệ nạn mại dâm, tội phạm mua bán người; ngăn chặn và kịp thời xử lý các vụ việc.

3.8. Công tác Báo chí - Xuất bản, Phát thanh - Truyền hình

Tăng cường, đổi mới nội dung, hình thức công tác thông tin, tuyên truyền để thể hiện bản chất tốt đẹp của xã hội Việt Nam; tạo sự đồng thuận trong xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành lộ trình số hóa truyền hình mặt đất. Tăng cường đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống Đài Truyền thanh cơ sở theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Đẩy mạnh phát triển văn hóa đọc trong nhân dân. Từng bước triển khai công tác biên tập, biên dịch chương trình phát thanh ở cơ sở cấp huyện sang tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với thực tế của địa phương

4. Xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị

4.1. Hệ thống đường bộ và hàng không

- Hàng không: Thực hiện đầu tư xây dựng hoàn thành dự án mở rộng Cảng hàng không Điện Biên, để trở thành Cảng hàng không chính ở khu vực Tây Bắc và trong hệ thống CHK-SB toàn quốc; tăng thêm năng lực tiếp nhận và vận chuyển; tăng khả năng kết nối với các trung tâm kinh tế, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Quốc lộ: Phối hợp với các Bộ, ngành tiếp tục nâng cấp các tuyến quốc lộ trên địa bàn (QL12, QL279, QL6, QL4H) đạt tiêu chuẩn cấp IV, cấp V và hệ thống đường vành đai biên giới.

- Tỉnh lộ: Tập trung đầu tư, nâng cấp một số tuyến đường giao thông trọng điểm, tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh: Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên, trục đường 60m, các trục đường phát triển phía Đông lòng chảo Điện Biên...

- Giao thông nông thôn: Tăng cường nguồn lực, lồng ghép các chương trình dự án để đầu tư đảm bảo mục tiêu; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm; 100% đường huyện và 75% đường cấp xã được cứng hóa.

4.2. Hệ thống đường thủy nội địa: Từng bước triển khai xây dựng hạ tầng giao thông vận tải đường thủy nội địa theo quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế đáp ứng nhu cầu vận tải.

4.3. Phát triển đô thị: Trọng tâm là xây dựng Thành phố Điện Biên Phủ, thị xã, các thị trấn, thị tứ và vùng dân cư nông thôn có điều kiện trở thành hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng. Làm tốt công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết các phân khu chức năng đô thị với tầm nhìn dài hạn, gắn với tăng cường quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch, quản lý đất đai. Cụ thể hóa cơ chế, chính sách của Trung ương vào điều kiện thực tế của tỉnh để thu hút đầu tư các dự án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các khu đô thị mới, phấn đấu xây dựng thành phố Điện Biên Phủ đạt tiêu chí đô thị loại II, thị xã Mường Lay đạt tiêu chí đô thị loại IV và trung tâm thị trấn các huyện còn lại đạt loại V trở lên.

4.4. Phát triển hệ thống thủy lợi: Phát triển hệ thống thủy lợi đảm bảo chủ động cấp nước cho diện tích trồng lúa 2 vụ, diện tích các cây trồng cạn có hiệu quả kinh tế cao; ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình thủy lợi lớn, đa

mục tiêu; tăng cường đầu tư các công trình thủy lợi phục vụ vùng khó khăn về nguồn nước; các công trình chống lũ, giảm lũ, chống sạt lở... để giảm thiểu thiệt hại của thiên tai.

4.5. Phát triển hệ thống cấp điện, công nghệ thông tin truyền thông

a) Cấp điện: Hoàn thành các dự án thủy điện đã khởi công xây dựng trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục khởi công các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Sớm hoàn thành thủ tục đầu tư để tiến hành khởi công xây dựng các nhà máy thủy điện đã có chủ trương khảo sát, nghiên cứu lập dự án. Kêu gọi đầu tư các dự án mới phù hợp theo quy hoạch được duyệt. Phấn đấu đến năm 2025, đưa công suất các nhà máy thủy điện trên địa bàn đạt 329,5MW; Xây dựng hoàn chỉnh 302 km đường dây trung thế 35(22) KV; trạm biến áp phân phối 35(22)/0,4 KV (268 MW); 854,7 km đường dây hạ áp 0,4 KV.

b) Công nghệ thông tin truyền thông: Phát triển hạ tầng viễn thông là hạ tầng kỹ thuật thiết yếu cho chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, chính quyền số và xã hội số; Thực hiện cáp quang hoá toàn tỉnh, phát triển cáp quang đến tất cả các trạm viễn thông, trạm truy nhập; Nâng cao chất lượng mạng 4G, từng bước triển khai mạng 5G; ngầm hóa mạng cáp nội thị theo Quy hoạch. Phát triển hạ tầng bưu chính theo hướng đẩy mạnh chuyển đổi số trong bưu chính, là hạ tầng của chuyển phát và logistics; Đầu tư các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, tăng cường chia sẻ và bảo mật an toàn dữ liệu, từng bước xây dựng và hoàn thiện đô thị thông minh.

4.6. Hạ tầng xã hội

- **Giáo dục, đào tạo:** Tập trung ưu tiên đầu tư xây mới, kiên cố hóa, cải tạo, nâng cấp, bổ sung phòng học tập, khối hỗ trợ học tập, phục vụ sinh hoạt, trang thiết bị cho các cấp học mầm non, phổ thông, các trường chuyên nghiệp, dạy nghề nhằm tiến tới đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định, phù hợp với điều kiện của địa phương, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp và tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh.

- **Y tế và trợ giúp xã hội:** Hoàn thành sớm các dự án đã khởi công xây dựng trong giai đoạn 2016-2020 (Cải tạo nâng cấp BVĐK tỉnh giai đoạn II từ 300 lên 500 GB; Bệnh viện đa khoa huyện Nậm Pồ). Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp CSVC, trang thiết bị các trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia, Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh, Bệnh viện đa khoa các huyện... phục vụ mục tiêu đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội, hỗ trợ việc làm... trên địa bàn tỉnh

- **Văn hóa, thể thao, du lịch:** Quan tâm đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao, hạ tầng phục vụ du lịch từ tỉnh đến cơ sở. Trong đó tập trung đầu tư hoàn thiện, phát triển công trình văn hóa như Bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ, Đền thờ tướng niệm các anh hùng liệt sỹ tại chiến trường Điện Biên Phủ, Khu di tích Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ..., khu thể thao cấp huyện, cấp xã, nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản còn thiếu. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, thể

dục thể thao nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục thể thao của nhân dân. Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực du lịch để đầu tư các cơ sở nghỉ dưỡng, cơ sở lưu trú như khách sạn, nhà hàng đạt chuẩn từ 4 đến 5 sao đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước khi đến với Điện Biên.

- **Hạ tầng nông thôn:** Quan tâm, ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng thiết yếu ở nông thôn nhất là các xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; thôn, bản nông thôn mới; thôn, bản nông thôn kiểu mẫu theo kế hoạch đã đề ra.

5. Tập trung thực hiện các chương trình, dự án trọng điểm

Triển khai lập, ban hành quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch đảm bảo tiến độ, lựa chọn đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm tốt để xây dựng quy hoạch của tỉnh có chất lượng cao và có tầm nhìn dài hạn, làm cơ sở để triển khai thực hiện tốt các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Tập trung thực hiện hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư và phối hợp với Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) hoàn thành dự án đầu tư xây dựng mở rộng Cảng hàng không Điện Biên; đầu tư thực hiện hoàn thành dự án Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục Quốc lộ 279 và Quốc lộ 12, tỉnh Điện Biên; triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính của tỉnh; tập trung nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới phía Đông Thành phố Điện Biên Phủ theo quy hoạch; đầu tư hoàn thành hệ thống kè dọc sông Nậm Rốm sử dụng nguồn vốn vay ODA của Cơ quan phát triển Pháp (AFD).

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ đến năm 2030; tập trung nguồn lực để tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch Khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang theo đúng mục tiêu đề ra.

6. Về Khoa học công nghệ

Gắn phát triển khoa học công nghệ với phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nhất là sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản góp phần quan trọng nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế và năng lực cạnh tranh của các sản phẩm nông, lâm nghiệp chủ lực trên địa bàn tỉnh. Tập trung nghiên cứu ứng dụng có trọng tâm, trọng điểm, khai thác tốt các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng để đầu tư; ưu tiên cho các đề tài, dự án phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới; nghiên cứu cơ chế chính sách, mô hình quản trị mới; giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an toàn thực phẩm, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tăng cường cơ chế đặt hàng nhằm huy động và thu hút các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia tích cực giải quyết những vấn đề của tỉnh, nhằm nâng cao chất lượng lựa chọn các Đề tài khoa học, đổi mới cơ chế chính sách trong phát triển khoa học. Đẩy mạnh công tác phổ biến, chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tế. Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học chuyên sâu, đổi mới các lĩnh vực cụ thể, đặc biệt là nhiệm vụ khoa

học trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp; du lịch và bảo vệ môi trường; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Tài nguyên và môi trường

Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ việc giao đất cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; tập trung đẩy mạnh công tác triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hiệu quả trong hoạt động khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường; quản lý chặt chẽ đối với khu vực không tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nguồn tài nguyên và khoáng sản để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội.

Chú trọng nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường; cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân; tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

Xây dựng, triển khai các chương trình, kế hoạch phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Chủ động theo dõi và xác định các vùng trọng điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở, lũ quét... để xây dựng phương án phòng ngừa, kịch bản ứng phó khi có tình huống xảy ra. Quản lý chặt chẽ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn.

8. Công tác dân tộc, tôn giáo

Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng đặc biệt khó khăn, nhất là tập trung triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số phát huy nội lực, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống và tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh ở địa phương.

Thực hiện tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; tiếp tục triển khai hiệu quả Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Chủ động phát hiện, ngăn ngừa lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo vi phạm pháp luật, chống đối, chia rẽ đoàn kết các dân tộc tổn hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

9. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước

Tập trung triển khai thực hiện tốt công tác bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026, kiện toàn các chức danh lãnh đạo, quản lý của khối chính quyền sau bầu cử. Tiếp tục đẩy mạnh, củng cố và xây dựng chính quyền các cấp, đặc biệt là chính quyền cơ sở.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, trọng tâm là rà soát, xây dựng và triển khai thực hiện Đề án đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị; sắp xếp, kiện toàn các cơ quan đơn vị và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tạo nguồn và phát triển đội ngũ cán bộ trẻ và hỗ trợ

phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực công giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập để thu gọn đầu mối; rà soát, sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy bên trong đơn vị sự nghiệp công lập. Xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện.

Đẩy mạnh triển khai xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới Chính quyền số; hoàn thiện, nâng cấp Công dịch vụ công của tỉnh liên thông với Công dịch vụ công Quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả của chính quyền các cấp; cải cách nền hành chính công vụ, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi. Nâng cao chất lượng, kỷ luật, kỷ cương công vụ; chủ động và tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, trong thực thi nhiệm vụ.

10. Công tác Tư pháp, Thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp, bảo đảm điều tra, truy tố, xét xử đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm. Triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các mặt công tác tư pháp, cải cách tư pháp; nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước đối với các hoạt động hỗ trợ tư pháp bảo đảm minh bạch và an toàn pháp lý cho các giao dịch dân sự; nâng cao chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý... Tiếp tục nâng cao chất lượng hiệu quả công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật của tỉnh; tăng cường công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng của Trung ương, của tỉnh; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, vai trò tiên phong gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các đơn vị, cơ quan trong công tác phòng chống tham nhũng. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và công tác tư pháp. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại kéo dài, các lĩnh vực phức tạp, dư luận xã hội quan tâm nhất là về quản lý đất đai. Tăng cường công tác thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị sau thanh tra.

11. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

11.1. Tăng cường công tác quân sự, quốc phòng địa phương gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường giáo dục, quán triệt và triển khai có hiệu quả quan điểm, tư tưởng của Đảng về chiến lược bảo vệ tổ quốc, chiến lược quốc phòng, chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nâng cao năng lực lãnh

đạo, vai trò quản lý, điều hành và phối hợp tham mưu của các cơ quan, đơn vị đối với nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận Biên phòng toàn dân vững mạnh; xây dựng các tiềm lực quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu tác chiến phòng thủ trong tình hình mới.

Quan tâm đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, thế trận trong khu vực phòng thủ tỉnh, huyện. Thực hiện nghiêm quy định về tổ chức xây dựng lực lượng bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên; công tác giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức quốc phòng, an ninh, tuyển quân, dân vận, công tác chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội. Tiếp tục đẩy mạnh rà phá bom, mìn, vật nổ và tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sỹ. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại quân sự, đối ngoại biên phòng và ngoại giao nhân dân, xây dựng và quản lý biên giới quốc gia hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

11.2. Bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ, không để xảy ra gây rối, bạo loạn, “điểm nóng” về an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái thù địch, phòng ngừa, đấu tranh giải quyết tình hình, hoạt động các tà đạo, đạo lạ; làm giảm tội phạm, đẩy lùi tệ nạn xã hội; giảm thiểu tai nạn giao thông, cháy nổ; thực hiện hiệu quả các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp trong xây dựng phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” gắn với các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về an ninh, trật tự, góp phần duy trì môi trường và biên giới hòa bình, bảo đảm an ninh, trật tự từ xa.

11.3. Hoạt động đối ngoại và hợp tác quốc tế

Tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các tỉnh Bắc Lào; duy trì và mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); phối hợp giải quyết đúng quy định những vấn đề liên quan giữa các bên, đưa hoạt động hợp tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Tiếp tục phát triển quan hệ với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan; hình thành liên kết hợp tác phát triển du lịch, thương mại... giữa Điện Biên, các tỉnh Bắc Lào và Đông Bắc Thái Lan. Thiết lập và tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các địa phương của các nước trong khối ASEAN; các nước có nền kinh tế phát triển, có điều kiện hợp tác và đầu tư vào Điện Biên.

Mở rộng phạm vi đối tác, lĩnh vực hợp tác với các đối tác cả trong và ngoài nước, trong đó ngoại giao kinh tế làm trọng tâm. Tăng cường hoạt động đối ngoại nhân dân, nâng cao hiệu quả xúc tiến hợp tác đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi thu hút viện trợ quốc tế, kết hợp phát huy nội lực và sử dụng hợp lý các nguồn lực bên ngoài nhằm khai thác tiềm năng, thế mạnh của tỉnh tạo động lực phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân. Tiếp tục phối hợp nâng cấp các cặp cửa

khẩu, lối mở giữa 2 nước Việt Nam - Lào và Việt Nam - Trung Quốc, thực hiện tốt các văn kiện pháp lý biên giới đất liền phục vụ mở rộng, phát triển hợp tác biên mậu giữa các bên. Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, kết hợp chặt chẽ giữa đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân với đối ngoại quốc phòng, biên phòng và thực hiện vừa hợp tác, vừa đấu tranh để bảo vệ biên giới quốc gia.

VII. Các biện pháp đảm bảo thực hiện

(1) *Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương về Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô.*

(2) *Đổi mới, tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch: Triển khai lập quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Thiết lập nghiêm trật tự, kỷ cương trong quản lý, trật tự xây dựng trên địa bàn; Gắn trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ trên các lĩnh vực.*

(3) *Thực hiện tốt các nhiệm vụ tái cơ cấu theo ngành, lĩnh vực; trong đó cần tập trung vào: Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, bố trí đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dài trải,... Tập trung tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, liên kết trong sản xuất. Có cơ chế chính sách thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho các loại hình doanh nghiệp phát triển, nhất là các lĩnh vực có tiềm năng về công nghiệp thủy điện, khai thác, trồng rừng, phát triển du lịch...*

(4) *Thực hiện tốt các giải pháp để thực hiện 3 đột phá trong: Tập trung nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù tạo động lực thu hút mạnh nguồn lực cho đầu tư phát triển; Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị đồng bộ theo hướng hiện đại; thực hiện các giải pháp phù hợp với điều kiện của địa phương trong việc phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.*

(5) *Huy động, thu hút, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực: Tiếp tục cụ thể hóa các cơ chế chính sách ưu đãi, đẩy mạnh mẽ cải cách hành chính cách hành chính để thu hút bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển từ các thành phần kinh tế. Đảm bảo nâng cao hiệu quả nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đầu tư từ. Tăng cường công tác kiểm; triển khai sâu rộng Quy chế giám sát cộng đồng.*

(6) *Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.*

VIII. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu xây dựng, đề xuất ban hành các nghị quyết, chương trình, đề án, nội dung, giải pháp điều hành của UBND tỉnh; trong đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đơn vị

chủ trì, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 của các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố. Đồng thời trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ sau:

1.1. Tập trung, chủ động chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện kế hoạch theo lĩnh vực, địa bàn và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.2. Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; định kỳ tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất có thẩm quyền giải pháp nhằm xử lý kịp thời đối với những vấn đề phát sinh; Báo cáo, UBND tỉnh thông quan Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị được phân công xây dựng nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án phải bảo đảm chất lượng và tiến độ thời gian; báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan đơn đốc, theo dõi, kiểm tra và tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình này theo định kỳ, kịp thời báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các cơ quan thông tấn, báo chí; các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong ngành, các cấp và nhân dân để thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên. UBND tỉnh báo cáo trình HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ KH&ĐT, Tài chính;
- TT Tỉnh ủy - TT HĐND tỉnh;
- LĐ UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ VP, CV các khối;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô